



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023



MỤC LỤC



1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	06
Quá trình hình thành và phát triển	08
Các giải thưởng tiêu biểu	10
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	12
Mô hình quản trị, bộ máy quản lý	18
Định hướng phát triển	20
Các rủi ro	22

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	28
Tổ chức và nhân sự	30
Tình hình đầu tư	39
Tình hình tài chính	40
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	42
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	44

3

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	50
Tình hình tài chính	56
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	58
Kế hoạch phát triển trong tương lai	60

4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	66
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành	68
Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị	69

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	72
Ban Kiểm soát	78
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát	80

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023	84
--------------------------------------	----



1

THÔNG TIN CHUNG

• Thông tin khái quát	06
• Quá trình hình thành và phát triển	08
• Các giải thưởng nổi bật	10
• Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	12
• Mô hình quản trị, bộ máy quản lý	18
• Định hướng phát triển	20
• Các rủi ro	22



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

- **Tên Tiếng Anh** : BEN THANH RUBBER JOINT STOCK COMPANY
- **Tên viết tắt** : BERUB JSC
- **Mã cổ phiếu** : BRC
- **Sản niêm yết** : HOSE

Giấy CNDKDN số : 0301150295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/04/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 08/09/2022.

Vốn điều lệ : 123.749.970.000 đồng

Website : www.berubco.com.vn

Trụ sở chính : Lô B3-1, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi – đường Giáp Hải (D3) – xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh.

Số điện thoại : (028) 3790 7619

Fax : (028) 3790 7461

1976 - 1994

KHỞI ĐẦU

- 1976: Tiền thân là Xí nghiệp Cao su Giải Phóng, trực thuộc Sở Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh, trụ sở chính ở nội thành quận 11.
- 1994: Đổi tên thành Công ty Cao su Bến Thành, trực thuộc Sở Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh.

1998 - 2007

CHUYỂN MÌNH

- 1998: Công ty dời về khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi rộng 2 hecta và đầu tư mới thiết bị sản xuất hiện đại.
- 2007: Công ty hoàn tất thủ tục cổ phần hóa và chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành (BERUBCO) trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn.

2008 - 2013

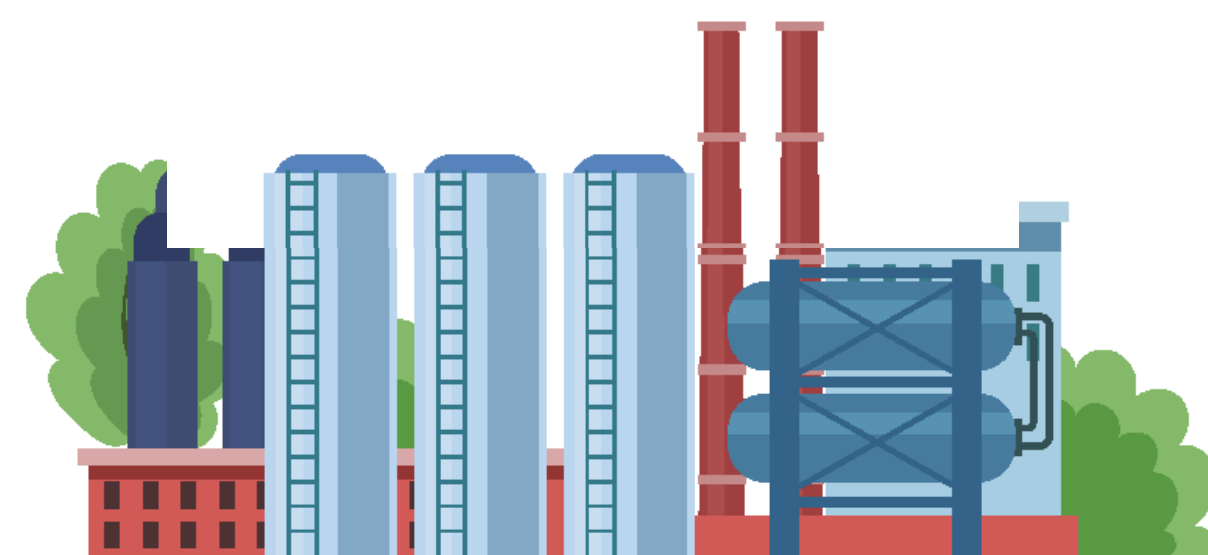
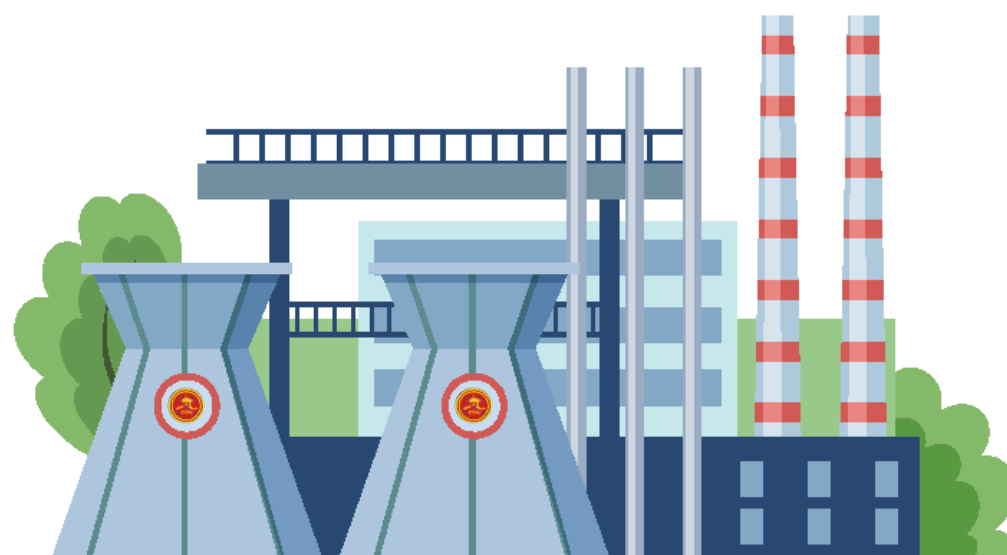
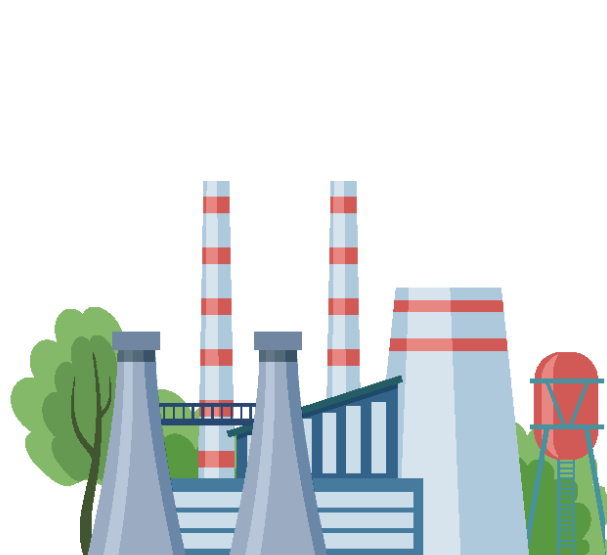
TĂNG TRƯỞNG

- 2008: Tăng vốn điều lệ lần thứ 1 từ 40 tỷ đồng lên 75 tỷ đồng theo hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên và đối tác chiến lược.
- 2010: Tăng vốn điều lệ lần thứ 2 từ 75 tỷ đồng lên 82,5 tỷ đồng theo hình thức phát cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- 2011: Cổ phiếu của BERUBCO được niêm yết trên sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán BRC.
- 2013: Tăng vốn điều lệ lần 3 từ 82,5 tỷ đồng lên 123,75 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

2015 - Nay

ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 2015: Tập trung hoàn thiện nhà máy băng tải lõi thép và chính thức đưa vào sử dụng.
- 2018: Đầu tư và sản xuất thử nghiệm dự án Bánh xích cao su.
- 2020: Công ty đã hoàn thành và vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận, đặc biệt là mặt hàng cao su kỹ thuật có sản lượng tiêu thụ tăng 121% so với kế hoạch năm 2020.
- 2023: Công ty đang hoạt động với mức vốn điều lệ hơn 123 tỷ đồng, tiếp tục từng bước cải tiến các sản phẩm cao su bằng việc áp dụng công nghệ đặc thù và tiên tiến cho từng dòng sản phẩm của mình.





- Chứng nhận sản phẩm tiêu biểu



- Giấy chứng nhận hệ thống Quản lý Chất lượng: ISO 9001:2000.
- Top 10 Doanh nghiệp phát triển bền vững
- Doanh nghiệp TP Hồ Chí Minh tiêu biểu



- Top 10 Doanh nghiệp phát triển bền vững (CSI)
- Chứng nhận thúc đẩy bình đẳng giới tại nơi làm việc
- Sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu TP.HCM



- Doanh nghiệp tiêu biểu năm 2022
- Sản phẩm Công nghiệp và Công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu năm 2022
- Phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn VILAS (ISO 17025)
- Đặc biệt, năm 2022 Đơn vị vẫn duy trì đạt thứ hạng cao trong Top 100 Doanh nghiệp bền vững do Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam thuộc phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chứng nhận.



- Công ty tiếp tục duy trì trong Top 100 Doanh nghiệp bền vững (CSI).
- Chứng nhận “Thương hiệu vàng TP.HCM năm 2023”.
- Giấy khen thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “ Dân vận khéo” năm 2023.





NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất các sản phẩm từ cao su: băng tải, dây courroie, sản phẩm cao su kỹ thuật, cao su nguyên liệu, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp – xe gắn máy.
- Mua bán sản phẩm cao su: băng tải, dây courroie, sản phẩm cao su kỹ thuật, cao su nguyên liệu, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp – xe gắn máy.
- Mua bán nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Berubco cung cấp sản phẩm cho thị trường nội địa và xuất khẩu sang các nước như Mỹ, Mexico, Nhật Bản, Indonesia,...



CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

Băng tải lõi thép thông dụng

Được sử dụng trong các ngành công nghiệp nặng, khai thác than đá, nhà máy nhiệt điện, nhà máy gang thép, khai thác mỏ, ...

Đặc điểm:

Có khả năng chịu tải trọng cao, độ giãn tải trọng rất thấp, kháng va đập tốt, trong dây chuyền sản xuất dài, tải trọng nặng với tốc độ nhanh.



Băng tải lõi thép chịu nhiệt

Được ưu tiên lựa chọn sử dụng ở các chuyền sản xuất nung quặng, than nung, chuyển tải clinker, xi măng, gang thép,... và các dạng vật liệu có nhiệt độ cao khác.

Đặc điểm:

Lớp cao su mặt được làm bằng nguyên liệu cao su đặc biệt có khả năng chịu nhiệt độ từ 100°C ~ 200°C, với khả năng kháng mài mòn, nứt gãy, cong vênh do nhiệt.



Băng tải lõi thép kháng hóa chất

Dùng để truyền tải các loại hóa chất có tính ăn mòn phá hủy cao như acid mạnh: H_2SO_4 , HCl , ...; kiềm: $NaOH$ và các hoá chất khác như phân bón, Urê, Kali Nitrat, ...

Đặc điểm:

Lớp cao su mặt được làm từ hỗn hợp cao su đặc biệt ít bị phá hủy bởi hóa chất, giúp kéo dài tuổi thọ cũng như ngăn không cho các thành phần cao su bị phân tán ra tạo thành tạp chất vào vật liệu cần truyền tải.



Băng tải lõi thép kháng lửa

Được sử dụng tại các dây chuyền sản xuất ở các nhà máy nung kim loại, nhà máy nhiệt điện, hầm lò ngành khai thác than đá và những ngành công nghiệp khác có nguy cơ phát cháy cao.

Đặc điểm:

Lớp cao su mặt và cao su cán tráng được làm bằng nguyên liệu đặc biệt có tính năng kháng bắt lửa đáp ứng tiêu chuẩn ISO, DIN, JIS và RMA.



Băng tải lõi thép chịu dầu

Dùng để chuyển tải những sản phẩm có dầu như thức ăn gia súc, phân bón, bã đậu nành và các sản phẩm có dầu khác.

Đặc điểm:

Lớp cao su mặt của băng này được làm từ hỗn hợp cao su NBR hoặc CR có tính năng chịu các loại dầu động thực vật và khoáng vật.



Băng tải kháng va đập

Băng tải chuyên dụng trong môi trường chịu lực va đập cao như khai thác mỏ, gỗ, vật liệu tái chế, thép....



Băng tải gân

Dùng để chuyển tải các loại nguyên vật liệu dạng bột hoặc hạt như cát, sạn, than mịn hoặc các loại nguyên liệu được đóng trong bao bì chuyển tải trên đoạn đường có độ nghiêng góc.

Đặc điểm:

Góc gân và bước gân được thiết kế phù hợp để cho băng tải di chuyển trên các con lăn.

Các gân và lớp cao su mặt trên được đúc dính chặt với nhau bằng lưu hóa nóng.



Băng tải tai bèo

Dùng để chuyển tải các loại nguyên vật liệu hoặc sản phẩm dạng bột dễ bị rơi vãi ra hai bên.

Đặc điểm:

Ở hai biên có lớp cao su thẳng đứng dạng tai bèo dùng để chắn không cho nguyên vật liệu hoặc sản phẩm rơi vãi hai bên.



CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

Cao su giảm chấn sàn rung

Dùng trong làm chân đế, chân máy.... với mục đích chống rung, giảm tiếng ồn. Nhà máy sản xuất theo tiêu chuẩn và công nghệ hiện đại đáp ứng tất cả các tính năng từ cơ bản đến kỹ thuật cao theo yêu cầu của khách hàng.

Đặc điểm:

Có cấu tạo nhiều lớp lõi vải, khả năng chịu lực cao.



Phốt nước

Van bướm được sử dụng rộng rãi trong các hệ thống cấp thoát nước, PCCC và các hệ thống khác.

Đặc điểm:

Phốt nước dùng trong van bướm công nghiệp được làm bằng nguyên liệu hoàn toàn EPDM, van có khả năng đàn hồi và ôm chặt với đĩa van tạo độ kín tối đa.

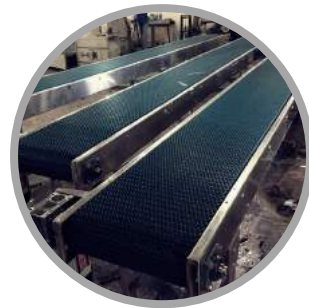


Băng tải nhám

Dùng để chuyển tải hàng đóng bao/ thùng, phụ tùng ô tô và các mặt hàng dễ bị biến dạng và dễ vỡ.

Đặc điểm:

Cao su bề mặt được thiết kế hình gân nhám để chuyển tải những mặt hàng dễ bị móp méo và dễ vỡ đi trên đoạn đường nghiêng góc từ 20 ~ 30 độ, có tính năng chịu mài mòn, kháng bắt lửa.



Dây courroie loại thông dụng

Dây Courroie hình thang được sử dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp cơ khí, máy móc ngành dệt may, ngành ô tô.

Đặc điểm:

Lực kéo đứt cao, độ dẫn thấp.

Chịu uốn và kháng mài mòn tốt.

Đồng nhất về chiều dài và tiết diện theo cỡ số.



Phụ tùng cao su

Cao su đệm các loại, cao su chống va đập dùng trong ngành công nghiệp xe hơi, cấp nước cầu đường, xây dựng và các ngành công nghiệp khác. Với nguyên liệu sử dụng: NR, BR, SBR, IR, CR, Viton, Silicone, Neoprene, Nitril, Butyl, EPDM sản xuất theo quy cách và bản vẽ của khách hàng.

Đặc điểm:

Các loại gioăng cao su với các tính năng: chịu nhiệt, chịu hóa chất, chịu dầu, chịu đàn hồi, kháng bắt lửa,...



Tấm chắn bùn xe tải

Dùng cho ô tô có công dụng để chắn bùn.



Bánh xích cao su

Được ứng dụng rộng rãi ở nhiều loại dòng xe cỡ lớn như máy xúc, máy đào, máy nâng, máy bốc xếp, máy kéo, xe tải, cần cẩu xe, máy móc nông nghiệp, máy kéo, máy khai thác,....

Đặc điểm:

Được tạo nên từ hỗn hợp cao su chất lượng được đúc theo khuôn khổ cụ thể, cao su này có đặc tính dẻo dai, chắc chắn, độ bền cao. Thân của bánh xích cao su thiết kế các rãnh gai và các mắt xích cố định để gắn vào bánh xe, giúp xe di chuyển ổn định, không bị vướng vào các gai và mắt xích.



Cơ cấu bộ máy quản lý



Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Tổng giám đốc

Các công ty con, công ty liên kết

Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết.



MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Tiếp tục xây dựng Berubco phát triển bền vững, trở thành nhà sản xuất và cung ứng các sản phẩm băng tải cao su hàng đầu Việt Nam và phát triển ra thị trường quốc tế.
- Đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh, tăng năng suất và tạo ra nhiều sản phẩm mới với chất lượng cải tiến và hiệu quả.
- Coi con người là yếu tố then chốt, hình thành đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ cao, có trách nhiệm; tác phong chuyên nghiệp, chủ động sáng tạo trong công việc. Xây dựng và phát triển thương hiệu Berubco uy tín, chất lượng.
- Tối đa hóa quyền lợi của cổ đông đồng thời đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty. Đảm bảo cân bằng lợi ích của các bên liên quan khác: khách hàng, cán bộ nhân viên, đối tác;
- Công ty hướng đến các mục tiêu vì cộng đồng xã hội để chung tay cùng Nhà nước chăm lo đời sống cho người dân như hỗ trợ cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn, bệnh hiểm nghèo, tham gia ủng hộ: thiên tai lũ lụt, thăm hỏi, đóng góp hỗ trợ cho người nghèo trên địa bàn;
- Tích cực đóng góp cho Ngân sách nhà nước thông qua việc nộp đầy đủ nghĩa vụ thuế, tiến hành kê khai và nộp đủ, kịp thời các loại thuế, phí tài nguyên, môi trường và bảo vệ môi trường và sự phát triển chung của địa phương, khu vực.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



GIẢI ĐOẠN 2022 – 2023: DUY TRÌ THỊ TRƯỜNG, KHÁCH HÀNG HIỆN TẠI VÀ CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM.

- Tiếp tục duy trì và phát huy hệ thống quản lý chất lượng, áp dụng các phương pháp tiên tiến trong điều hành sản xuất, nâng cao năng suất lao động, cải thiện chất lượng từng sản phẩm;
- Phân phối các sản phẩm cao su tùy thuộc vào diễn biến của thị trường. Đẩy mạnh sản phẩm chủ lực của công ty là băng tải cao su chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu doanh thu của Công ty.



GIẢI ĐOẠN 2023 – 2025: TĂNG TRƯỞNG ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT KINH DOANH TRÊN SẢN PHẨM CHỦ LỰC BĂNG TẢI CAO SU

- Xác định nhóm sản phẩm băng tải cao su giữ vai trò chủ đạo, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh các sản phẩm phụ trợ như tấm chắn bùn, dây courroie, cao su kỹ thuật... Trong đó, xác định thị trường trong nước là động lực tăng trưởng chính, đặc biệt chú trọng phát triển và gia tăng tỷ trọng nhóm sản phẩm băng tải chiếm tỷ trọng doanh thu lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của Công ty.
- Đẩy mạnh công tác đầu tư, nâng cao năng lực sản xuất theo cả chiều rộng và chiều sâu. Ưu tiên tập trung nguồn lực cho hoạt động xuất khẩu nhằm củng cố năng lực cạnh tranh, nắm bắt cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do như CPTPP và EVFTA. Bên cạnh đó, tiếp tục đầu tư, phát huy tối đa công suất phân phối sản phẩm tại thị trường nội địa.
- Chú trọng công tác quản lý, phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, từng bước hoàn thiện bộ máy công ty theo hướng chuyên nghiệp hóa. Tuyển dụng nhân lực kỹ thuật có trình độ và kinh nghiệm để phục vụ việc đầu tư các sản phẩm mới.



CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ



Trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới biến động khó lường, không thuận lợi, nhưng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự chỉ đạo, điều hành kịp thời, quyết liệt, sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nỗ lực của các cấp, các ngành, các địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước, nền kinh tế đạt mức tăng trưởng 5,05%, mặc dù không đạt mục tiêu 6,5% đề ra tại Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ nhưng là kết quả tích cực và thuộc nhóm các nước có mức tăng trưởng cao nhất khu vực và thế giới. Năm 2023, ngành công nghiệp Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng 3,02% so với năm trước. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,35%. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,62%, đóng góp 0,93 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Từ những con số trên, góp phần tạo nên bức tranh kinh tế đầy hứa hẹn. Những con số này mang đến niềm tin cho các doanh nghiệp, trong đó có Berubco, về tiềm năng phát triển trong năm 2024.

Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội, Berubco cũng nhận thức được những thách thức đi kèm. Biến động kinh tế luôn là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Để giảm thiểu rủi ro, Berubco luôn theo sát và đánh giá thị trường, từ đó đưa ra các chính sách phù hợp với diễn biến đang xảy ra.



RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU



Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, giá cao su xuất khẩu bình quân năm 2023 của Việt Nam là 1.350 USD/tấn, giảm 12,7% so với năm 2022 và ở mức thấp nhất kể từ năm 2019. Trong đó, giá cao su xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc là 1.331 USD/tấn, giảm 10,7%. Trong khi đó, sự phục hồi hoạt động sản xuất tại Trung Quốc yếu hơn so với các dự báo, khiến sản lượng tiêu thụ lần giá bán cao su đều ở mức thấp. Tại thị trường trong nước, năm 2023 giá mủ cao su nguyên liệu trong nước biến động theo xu hướng của thị trường thế giới, giá mủ cao su giảm trong 2 quý đầu năm, sau đó tăng trở lại trong quý III và IV/2023. Biến động giá cao su ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Berubco. Để ứng phó với tình hình này, Berubco chú trọng quản trị rủi ro giá nguyên vật liệu đầu vào bằng cách đa dạng hóa các nhà cung cấp có uy tín và tăng cường hợp tác với các đối tác trong nước.

RỦI RO PHÁP LUẬT



Là một Công ty đã niêm yết trên sàn chứng khoán, Berubco phải chịu sự ảnh hưởng và chi phối của các bộ luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Thương mại,... các Nghị định, Thông tư và các văn bản pháp luật có liên quan khác. Các văn bản Luật và hướng dẫn dưới Luật hiện đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về pháp luật và các chính sách có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Nhằm đảm bảo tính tuân thủ khi có sự thay đổi trong các chính sách pháp luật và quản lý, Công ty luôn thường xuyên cập nhật các thay đổi về luật pháp và các ảnh hưởng pháp lý nếu có. Từ đó, Ban lãnh đạo Công ty sẽ đưa ra các điều chỉnh kịp thời để phù hợp với các điều chỉnh của luật pháp.





RỦI RO TỶ GIÁ



Việc biến động tỷ giá ngoại tệ so với đồng Việt Nam luôn được Công ty xem là vấn đề cần phải giám sát và quản lý để có các biện pháp phòng ngừa rủi ro thích hợp. Thời gian gần đây, tỷ giá biến động mạnh do những bất ổn tình hình kinh tế - chính trị thế giới. Năm 2023, Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) đã liên tục tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát tại Mỹ, kéo theo tỷ giá USD/VND tăng trở lại.

Hoạt động kinh doanh của Berubco liên quan đến việc nhập khẩu các nguyên vật liệu đầu vào và xuất khẩu hàng hóa ra thị trường quốc tế nên sự biến động của tỷ giá tác động đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhằm hạn chế tác động của tỷ giá, Công ty chủ động theo sát diễn biến tỷ giá để đưa ra kế hoạch kinh doanh phù hợp.



RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Hoạt động đặc thù trong ngành sản xuất và kinh doanh sản phẩm từ cao su, những sự cố và tổn hại trong quá trình sản xuất kinh doanh có tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh. Ngoài ra, các chất thải, nước thải từ hoạt động sản xuất cũng có thể gây ô nhiễm môi trường nếu không được xử lý kịp thời và đảm bảo tiêu chuẩn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Công ty đã luôn thực hiện tốt việc: Tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư công nghệ mới để xử lý chất thải, nâng cao ý thức của CBCNV trong việc sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên, tuân thủ nghiêm ngặt việc xử lý chất thải, nước thải,...



RỦI RO CHÁY NỔ

Nhà máy sản xuất các sản phẩm cao su là nơi có nguy cơ cháy nổ cực kỳ cao bởi vì nguyên liệu sản xuất đều là những sản phẩm, hóa chất dễ cháy. Điều kiện cháy xảy ra sẽ gây tổn thất rất lớn về người, tài sản và ảnh hưởng đến môi trường.

Việc đảm bảo an toàn PCCC tại cơ sở sản xuất kinh doanh luôn là mối quan tâm hàng đầu của Công ty. Công ty luôn chuẩn bị sẵn sàng để giảm thiểu rủi ro này bằng cách lắp đặt các hệ thống báo cháy, chống cháy.

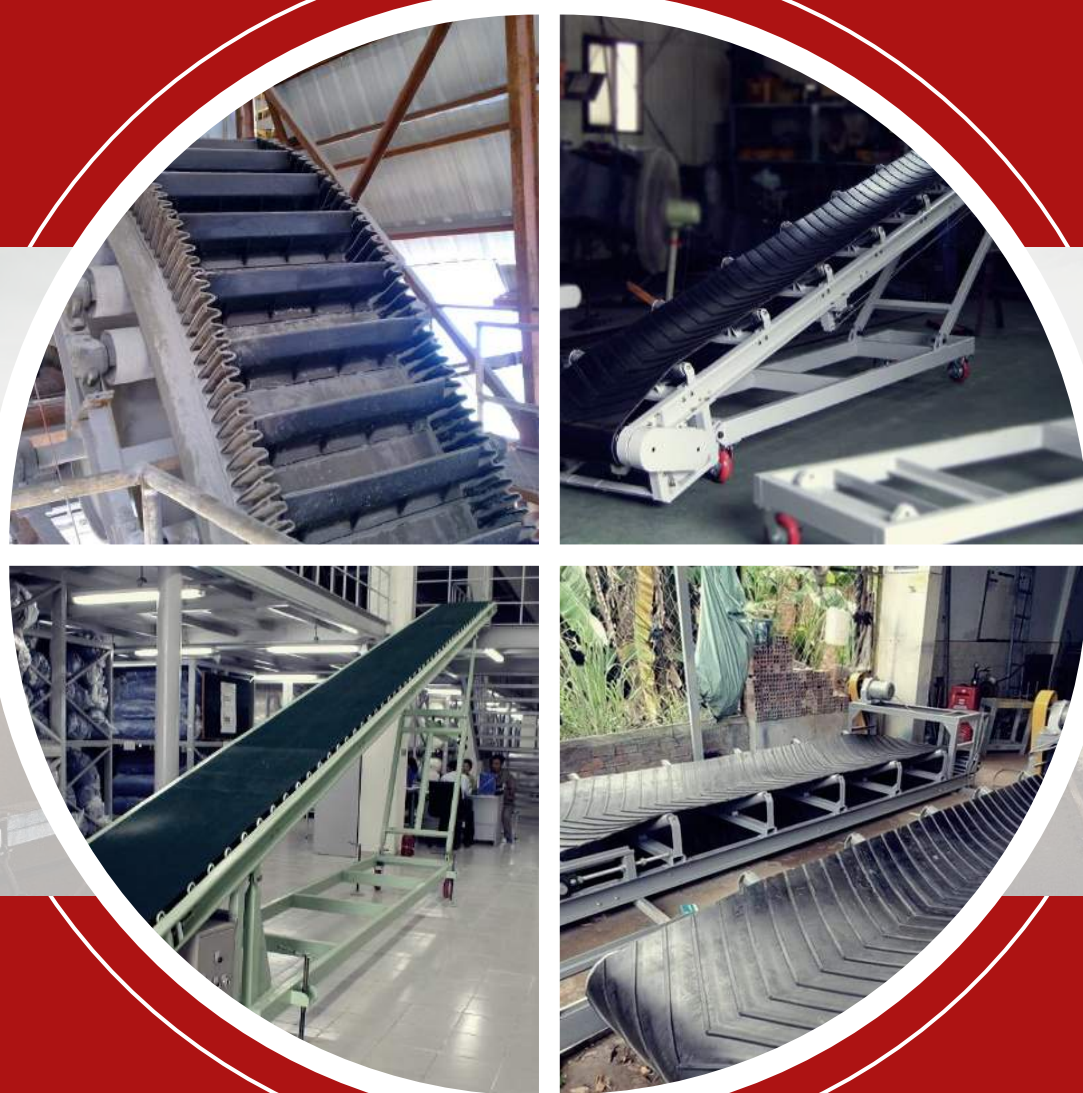


RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro kể trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc duy trì hoạt động kinh doanh của Công ty. Các rủi ro khác có thể kể đến đó là: thiên tai, lũ lụt, chiến tranh, dịch bệnh... Để giảm thiểu các thiệt hại khi xảy ra rủi ro bất khả kháng, Công ty đã có những phương án dự phòng đối phó với các tình huống bất ngờ

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

28

30

39

40

42

44

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2023

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2022	% Tăng/giảm năm 2023 so với năm 2022
1	Doanh thu thuần	332.243	338.058	-1,72%
2	Giá vốn hàng bán	260.260	262.908	-1,01%
3	Lợi nhuận lợi nhuận gộp	71.984	75.150	-4,21%
4	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	24.401	23.789	2,57%
5	Lợi nhuận trước thuế	24.188	23.499	2,94%
6	Lợi nhuận sau thuế	19.420	18.621	4,29%

Mặc dù chịu ảnh hưởng bởi nền kinh tế toàn cầu tăng trưởng yếu và bất ổn địa chính trị thế giới, Berubco vẫn đạt được kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2023. Doanh thu thuần của Công ty trong năm 2023 đạt 332,24 tỷ đồng, giảm 1,72% so với năm 2022. Nguyên nhân chính của sự sụt giảm này là do ngành xi măng, bất động sản, phân bón và một số ngành công nghiệp khác vẫn chưa phục hồi, tác động trực tiếp đến doanh thu và hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, theo Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương) giá mù cao su xuất khẩu giảm dẫn đến giá mù cao su tại thị trường trong nước biến động theo xu hướng giảm, do đó chi phí giá vốn hàng bán giảm 1,01% so với năm 2022. Bên cạnh đó, nhờ sự kiểm soát chi phí chặt chẽ của Công ty nên chi phí bán hàng giảm 10,95% so với năm 2022 theo đó lợi nhuận sau thuế đạt 19,42 tỷ đồng, tăng 4,29% so với năm 2022.

Doanh thu thuần

Đạt 332,24 tỷ đồng

Giảm 1,72% so với năm 2022

Lợi nhuận sau thuế

Đạt 19,42 tỷ đồng

Tăng 4,29% so với năm 2022

SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ TRONG NĂM 2023

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2023	Năm 2022	% tăng/giảm năm 2023 so với năm 2022
Băng tải lõi vải	m²	152.184	159.235	-4,42%
Băng tải lõi thép	m²	18.169	12.885	41,01%
Dây courroie	inch	20.156.930	17.562.666	14,77%
Cao su kỹ thuật	kg	1.797.671	2.478.971	-27,48%

Năm 2023 chứng kiến sự phân hóa rõ rệt trong sản lượng tiêu thụ các sản phẩm. Tình hình tiêu thụ băng tải lõi thép và dây courroie ghi nhận lần lượt 18.169 m² tăng 41,01% so với cùng kỳ năm 2022 và 20.156.930 inch tăng 14,77% so với năm 2022. Nguyên nhân chính là do nhu cầu thị trường đối với các sản phẩm này tăng trở lại vào giai đoạn cuối năm, song song với sự phục hồi của các ngành công nghiệp. Riêng sản phẩm băng tải lõi vải và cao su kỹ thuật thì có mức thực hiện chưa cao hơn so với cùng kỳ, dẫn đến các chỉ tiêu quan trọng khác cũng bị ảnh hưởng.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2023	% Hoàn thành kế hoạch
1	Tổng doanh thu và thu nhập	334.516	329.665	101,47%
2	Lợi nhuận trước thuế	24.188	24.097	100,38%

Bất chấp bởi cảnh kinh tế, chính trị thế giới biến động khó lường, gây nhiều khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể CBCNV đã nỗ lực vượt qua, hoàn thành kế hoạch được đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. Cụ thể, tổng doanh thu đạt 334,52 tỷ đồng, vượt 1,47% so với kế hoạch đề ra và lợi nhuận trước thuế đạt 24,19 tỷ đồng, vượt 0,38% so với kế hoạch đề ra.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Tính đến ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Ông Diệp Xuân Trường	Chủ tịch HĐQT	CN: 0 ĐD: 4.189.408	CN: 0 ĐD: 33,85
2	Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên HĐQT kiêm TGD	CN: 16.698 ĐD: 1.856.250	CN: 0,13 ĐD: 15
3	Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT	CN: 0 ĐD: 2.457.587	CN: 0 ĐD: 19,86
4	Ông Văn Trọng Long	Thành viên HĐQT độc lập	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0 ĐD: 0
5	Ông Nguyễn Thanh Phúc	Thành viên HĐQT	CN: 0 ĐD: 2.310.000	CN: 0 ĐD: 18,67
II BAN KIỂM SOÁT				
1	Bà Dương Hoài Trinh	Trưởng BKS	CN: 990 ĐD: 0	CN: 0,008 ĐD: 0
2	Bà Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên BKS	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0 ĐD: 0
3	Ông Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên BKS	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0 ĐD: 0
III BAN ĐIỀU HÀNH				
1	Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên HĐQT kiêm TGD	CN: 16.698 ĐD: 1.856.250	CN: 0,13 ĐD: 15
2	Ông Huỳnh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	CN: 2.539 ĐD: 0	CN: 0,021 ĐD: 0
3	Ông Huỳnh Ngọc Sơn	Kế toán trưởng	CN: 14.000 ĐD: 0	CN: 0,11 ĐD: 0

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG DIỆP XUÂN TRƯỜNG - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Năm sinh: 1980

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ điện Nông nghiệp.

Quá trình công tác:

- 04/2005 – 12/2008: Nghiên cứu viên - Phòng đo lường tự động hóa Viện cơ điện Nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch
- 01/2009 – 12/2010: Chuyên viên Ban Quản lý kỹ thuật Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
- 12/2010 – 11/2018: Chuyên viên Ban Công nghiệp Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
- 12/2018 – Nay: Phó Trưởng Ban Công nghiệp Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
- 04/2019 – 06/2022: Thành viên HĐQT CTCP Cao su Bến Thành
- 07/2022 – Nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Trưởng Ban Công nghiệp Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân: 0 cổ phần; chiếm 0% VDL.
- Đại diện vốn Tập đoàn Cao su Việt Nam: 4.189.408 cổ phần; chiếm 33,85% VDL.

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có.

ÔNG NGUYỄN TRẦN NGHIỆM VŨ - THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết kế máy.

Quá trình công tác:

- 1991 – 2002: Quản đốc xưởng đế giày Công ty công nghiệp Cao su Rubimex
- 2002 – 2005: Phó phòng Kỹ thuật Công ty Cao su Bến Thành
- 2006 – 2007: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cao su Bến Thành
- 2007 – 2016: Phó Tổng giám đốc CTCP Cao su Bến Thành
- 2016 – 2017: Tổng giám đốc CTCP Cao su Bến Thành
- 2017 – Nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân: 16.698 cổ phần; chiếm 0,13% VDL.
- Đại diện vốn Tập đoàn Cao su Việt Nam: 1.856.250 cổ phần; chiếm 15,00% VDL.

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có.

ÔNG NGUYỄN THANH PHÚC - THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Thạc sỹ QTKD.

Quá trình công tác:

- 02/2003 – 04/2004: Nhân viên Nhà máy Frit_Men Khu công nghiệp Mỹ Xuân A
- 04/2004 – 09/2005: Nhân viên Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
- 09/2005 – 08/2007: Nhân viên Nhà máy xi măng Hòn Chông và Công ty Xi măng liên doanh Holcim
- 08/2007 – 08/2008: Nhân viên Phòng Vật tư Thiết bị Công trình, Ban QLDA Xi măng Hà Tiên 1
- 08/2008 – 11/2009: Nhân viên Phòng Công nghệ Dự án, Ban QLDA XMHT1 – CTCP XMT1
- 11/2009 – 10/2011: Phó phụ trách Phòng Công nghệ Dự án, Ban QLDA XMHT1 – CTCP XMT1
- 10/2011 – 12/2015: Quản đốc Xưởng sửa chữa CN CTCP XMT1 – Nhà máy xi măng Bình Phước
- 12/2015 – 07/2018: PGĐ Kỹ thuật CN CTCP XMT1 – Nhà máy xi măng Bình Phước
- 08/2018 – 11/2019: Giám đốc CN CTCP XMT1 – Nhà máy xi măng Kiên Lương
- 11/2019 – Nay: P.TGD Công ty kiêm GD nhà máy CN CTCP XMT1 – Nhà máy xi măng Kiên Lương
- 01/2022 – Nay: Thành viên HĐQT CTCP Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc nhà máy Chi nhánh CTCP Xi măng Hà Tiên 1 – Nhà máy xi măng Kiên Lương.

Số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân: 0 cổ phần; chiếm 0% VDL.
- Đại diện vốn CTCP Xi măng Hà Tiên 1: 2.310.000 cổ phần; chiếm 18,67% VDL.

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có.

ÔNG VĂN TRỌNG LONG - THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Năm sinh: 1979

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí.

Quá trình công tác:

- 06/2005 – 04/2007: Chuyên viên Công ty POSLILAMA Cơ khí và Xây dựng
- 04/2007 – 06/2008: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật CTCP Thể thao Ngôi sao Geru
- 06/2008 – 07/2009: Giám đốc xưởng cơ khí CTCP Thể thao Ngôi sao Geru
- 01/2010 – 12/2010: Phó Phòng Quản Lý chất lượng CTCP Thể thao Ngôi sao Geru
- 01/2011 – 06/2013: Giám đốc xưởng Bóng Da, P. GD xưởng sản xuất CTCP Thể thao Ngôi sao Geru
- 07/2013 – 04/2014: Phó Phòng Tổ chức hành Chính CTCP Thể thao Ngôi sao Geru
- 04/2014 – 01/2020: Chuyên viên Ban Công nghiệp Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
- 01/2020 – Nay: Phó Trưởng Ban Công nghiệp Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
- 06/2022 – Nay: Thành viên HĐQT CTCP Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Trưởng Ban Công nghiệp Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần; chiếm 0% VDL.

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có.

ÔNG NGUYỄN VIỆT HÀ - THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh: 1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Vật lý.

Quá trình công tác:

- 2002 – 2006: Chuyên viên P. Kỹ thuật Cơ điện - Công ty Thuốc Lá Bến Thành
- 2006 – 2008: Phó Giám đốc XN thuốc lá Bến Thành 2 - Công ty Thuốc Lá Bến Thành
- 2008 – 2010: Phó Giám đốc - Nhà máy thuốc lá Bến Thành
- 2010 – 2013: Phó phòng P. Kỹ thuật Công nghệ - Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn
- 2010 – 2015: Phó phòng P. Kỹ thuật Chất lượng - Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn
- 2015 – Nay: Giám đốc P. Kỹ thuật Chất lượng - Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn
- 05/2020 – Nay: Thành viên HĐQT CTCP Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc P. Kỹ thuật Chất lượng Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn.

Số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân: 0 cổ phần; chiếm 0% VDL.
- Đại diện vốn Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn: 2.457.587 cổ phần; chiếm 19,86% VDL.

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có.

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

BÀ DƯƠNG HOÀI TRINH - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh : 1980

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán.

Quá trình công tác:

- 2002 – 2003: Làm việc tại Công ty TNHH Thương mại Xây Dựng Bảo Châu
- 2003 – 2004: Làm việc tại Công ty TNHH Thương Mại Đông Nam Phát
- 2004 – 2005: Làm việc tại CTCP Dược phẩm Khánh Hòa
- 2008 – Nay: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ: 990 cổ phiếu; chiếm 0,008% VDL.

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có.

BÀ LƯƠNG THỊ ÁNH NGUYỆT - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh : 1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán.

Quá trình công tác:

- 2004 – 2014: Công tác tại Trung tâm Công nghệ phần mềm Sài Gòn – Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn
- 04/2015 – Nay : Công tác tại phòng Kế hoạch Kinh doanh – Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn
- 04/2017 – Nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phiếu; chiếm 0% VDL.

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có.

ÔNG TRẦN NGUYỄN HUY HÙNG - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán.

Quá trình công tác:

- 10/2003 – 2019: Phó Phòng Tài chính Kế toán CTCP Xi măng Hà Tiên 1
- 04/2019 – Nay: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần; chiếm 0% VDL.

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG HUỖNH ANH TUẤN - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh : 1974

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Tin học.

Quá trình công tác:

- 2002 – 2004: Cán bộ Phòng Kinh doanh Công ty Cao su Bến Thành
- 2004 – 2007: Phó Phòng kinh doanh Công ty Cao su Bến Thành
- 2007 – 2014: Trưởng Phòng kinh doanh CTCP Cao su Bến Thành
- 2014 – 2016: Trợ lý Tổng Giám đốc CTCP Cao su Bến Thành
- 2016 – 06/2020: Trưởng Phòng kinh doanh CTCP Cao su Bến Thành
- 07/2020 – Nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ: 2.539 cổ phiếu; chiếm 0,021% VDL.

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có.

ÔNG HUỖNH NGỌC SƠN - KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh : 1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Cao đẳng kế toán.

Quá trình công tác:

- 2002 – 09/2006: Cán bộ Phòng Kế toán Công ty Cao su Bến Thành
- 10/2006 – 2007: Phó Phòng Kế toán Công ty Cao su Bến Thành
- 2007 – 2022: Phó Phòng Kế toán CTCP Cao su Bến Thành
- 01/2022 – Nay: Kế toán trưởng CTCP Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ: 14.000 cổ phần; chiếm 0,11% VDL.

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:

- Bà Vy Thị Thanh Nhi (Vợ): 12.000 cổ phần; chiếm 0,10% VDL.

Sơ yếu lý lịch Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc vui lòng xem tại thông tin HĐQT

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2023

Trong năm 2023, cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị trong Công ty không có thay đổi.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2023

Trong năm 2023, cơ cấu nhân sự Ban Kiểm soát trong Công ty không có thay đổi.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2023

Trong năm 2023, cơ cấu nhân sự Ban điều hành trong Công ty không có thay đổi.

Tính chất phân loại		Năm 2022		Năm 2023	
		Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)
A Theo trình độ					
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	38	17,35	41	19,62
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	18	8,22	16	7,66
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	6	2,74	18	8,61
4	Lao động phổ thông	157	71,69	134	64,11
B Theo thời hạn HĐLĐ					
1	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	92	42,01	74	35,41
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	127	57,99	135	64,59
C Theo giới tính					
1	Nam	177	80,82	171	81,82
2	Nữ	42	19,18	38	18,18
Tổng cộng		219		209	



“Nguồn nhân lực đóng vai trò hạt nhân trong chiến lược phát triển bền vững của BRC. Với môi trường cạnh tranh ngày càng cao, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân sẽ tham gia mạnh vào hóa chất cơ bản thời gian tới, nguồn nhân lực chuyên nghiệp, lành nghề sẽ giúp Công ty duy trì lợi thế và đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Bên cạnh đó, đảm bảo công việc ổn định, chăm lo các chế độ, chính sách và đảm bảo chất lượng cuộc sống của người lao động cũng là cách thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp”



VỀ ĐÀO TẠO

Công ty luôn chú trọng đến việc thu hút và phát triển nguồn nhân lực. Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút những người lao động có năng lực, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể, Công ty sẽ đưa ra những tiêu chuẩn tuyển dụng riêng nhưng tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau: trình độ chuyên môn cơ bản, ý thức phát triển nghề nghiệp và tính kỷ luật cao. Để nâng cao năng lực của đội ngũ lao động, Công ty luôn có chương trình đào tạo, huấn luyện thường niên. Chương trình đào tạo bao gồm đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài.

- Đào tạo nội bộ: Công ty thường xuyên tổ chức những khóa đào tạo tại chỗ cho cán bộ nhân viên của Công ty với khả năng và phương tiện sẵn có.
- Đào tạo bên ngoài: Cử người tham dự các giáo trình do các cơ quan, tổ chức bên ngoài tổ chức thực hiện.

VỀ TUYỂN DỤNG

Để đảm bảo đáp ứng nhân lực một cách kịp thời và đầy đủ, Công ty có chính sách tuyển dụng, phù hợp với mặt bằng kinh tế - xã hội, đặc điểm ngành nghề và nhu cầu của Công ty. Việc tuyển dụng lao động được thực hiện theo kế hoạch thường niên và đột xuất, dựa trên:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tình hình thực tế về nhân lực tại các bộ phận;
- Nhu cầu thay thế lao động thôi việc hoặc hưu trí;
- Chính sách nhân sự, chính sách lao động - tiền lương và định hướng phát triển của Công ty.

MÔI TRƯỜNG CÔNG VIỆC

Môi trường làm việc tốt là nền tảng cho sự phát triển của mỗi cá nhân và doanh nghiệp. Một môi trường làm việc năng động, an toàn, công bằng, thân thiện sẽ giúp CBCNV phát huy tối đa năng lực chuyên môn và khả năng sáng tạo của nhân viên, góp phần nâng cao năng suất lao động. Hiểu được điều đó, Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất để xây dựng một môi trường làm việc tốt.

Công ty bố trí văn phòng làm việc cho CBCNV khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

VỀ LƯƠNG, THUỞNG, PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

Công ty luôn quan tâm đặc biệt đến đời sống CBCNV, thể hiện qua các chính sách phúc lợi, lương thưởng hấp dẫn. Về lương thưởng, Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của người lao động. Điều này nhằm ghi nhận đúng mức năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân, đồng thời tạo động lực khuyến khích người lao động phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

Hàng năm Công ty đều tổ chức cho người lao động trong Công ty đi nghỉ dưỡng tập thể với chi phí do Công ty đài thọ. Người lao động trong Công ty được đảm bảo đầy đủ và thỏa đáng các chế độ phụ cấp chức vụ, trách nhiệm, độc hại...tùy theo vị trí và đặc điểm công việc.



THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Tổng số lao động bình quân (người)	210	219	209
2	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/năm)	155,172	149,196	162,024

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Trong năm 2023, Công ty đã triển khai một số công việc nhằm đầu tư máy móc, thiết bị theo kế hoạch năm đã đề ra. Qua đó, Công ty đã hoàn thành lắp đặt và đưa vào sử dụng “Tấm thớt nhiệt 1600 x 10.000 x 90mm” để thay thế tấm thớt nhiệt cũ trong sản xuất băng tải lõi thép; Máy sản xuất thanh cao su đệm bàn bida phẳng; Tủ sấy nhằm tăng cường khả năng kiểm tra độ lão hóa các mẫu thử nghiệm cho phòng thí nghiệm; Bên cạnh đó, cũng đã tiến hành xử lý, sơn lại nhà xưởng và lắp thêm hệ thống làm mát cho xưởng luyện kín.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: Không có.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2022	% Tăng/giảm năm 2023 so với năm 2022
1	Tổng giá trị tài sản	290.610	309.231	-6,02%
2	Doanh thu thuần	332.243	338.058	-1,72%
3	Lợi nhuận gộp	71.984	75.150	-4,21%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	24.401	23.789	2,57%
5	Thu nhập khác	117	112	4,84%
6	Lợi nhuận trước thuế	24.188	23.499	2,94%
7	Lợi nhuận sau thuế	19.420	18.621	4,29%
8	Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (đồng)	1.569	1.505	4,25%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,44	2,11
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,48	1,23
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	27,80	31,99
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	38,51	47,04
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,16	3,16
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,11	1,09
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,85	5,51
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	9,25	8,83
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	6,48	6,00
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/Doanh thu thuần	%	7,34	7,04

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2023 lần lượt tăng lên 2,44 và 1,48 lần so với mức 2,11 và 1,23 lần năm 2022.

Tài sản ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2023 là 197,18 tỷ đồng, giảm 5,38% so với cùng kỳ. Trong đó, hàng tồn kho giảm 10,17% so với cùng kỳ, xuống còn 77,95 tỷ đồng. Việc chủ động sử dụng và tránh tồn đọng hàng tồn kho giúp Công ty tối ưu hóa nguồn vốn và cải thiện khả năng thanh toán trong bối cảnh kinh tế biến động khó lường.

Đối với nợ ngắn hạn, Công ty chủ động thanh toán các khoản vay ngắn hạn, theo đó đến thời điểm 31/12/2023, nợ ngắn hạn đạt 80,80 tỷ đồng, giảm 18,33% so với thời điểm cuối năm 2022.

Đây là minh chứng cho những nỗ lực của Ban điều hành trong việc điều hành dòng tiền kinh doanh và đáp ứng khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Tỷ lệ nợ/ tổng tài sản giảm xuống 27,80% so với mức 31,99% của năm 2022. Nguyên nhân nợ phải trả của công ty giảm 18,33%, trong đó khoản vay ngắn hạn giảm 30,28% xuống còn 40,09 tỷ đồng, do trong năm công ty chủ động thanh toán các khoản nợ vay. Tại thời điểm 31/12/2023, tổng tài sản đạt 290,61 tỷ đồng, giảm 6,02% do tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn đều giảm ở mức 5,38% và 7,35%.

Tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu giảm xuống 38,51% so với mức 47,04% của năm 2022. Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2023 đạt 209,81 tỷ đồng. Công ty chủ động sử dụng nguồn vốn sẵn có để giảm thiểu áp lực chi phí tài chính. Qua đó, Công ty vẫn đảm bảo được cơ cấu nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu và cơ cấu nợ phải trả trên tổng tài sản đều ở mức thấp, hạn chế rủi ro tài chính.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

03

Nhìn chung, chỉ tiêu năng lực hoạt động của Công ty trong năm duy trì ở mức ổn định. Vòng quay hàng tồn kho năm 2023 không thay đổi so với năm 2022. Vòng quay tài sản tăng nhẹ từ 1,09 vòng năm 2022 lên 1,11 vòng năm 2023.

Nguyên nhân do tình hình kinh tế tăng trưởng chậm, nhu cầu của thị trường hạn chế nên sản lượng bán ra giảm, ảnh hưởng đến doanh thu thuần của Công ty ghi nhận ở mức 332,24 tỷ đồng, giảm 1,72%. Tổng tài sản giảm 6,02% so với cùng thời điểm 31/12/2022, tương đương 290,61 tỷ đồng. Mặc dù vậy, điều này cho thấy hoạt động kinh doanh sản phẩm của Công ty vẫn duy trì ở mức ổn định và có khả năng thích ứng trong bối cảnh kinh tế khó khăn năm 2023.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

04

Mặc dù trong bối cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn chồng chất, chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty trong năm qua vẫn có sự tăng trưởng tích cực. Cụ thể, hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần tăng từ 5,51% lên 5,85% so với năm 2022. Nguyên nhân chính là do Công ty đã quản lý tốt các khoản mục chi phí, giúp lợi nhuận sau thuế tăng 4,29% so với năm trước. Chỉ số ROE và ROA cũng tăng nhẹ từ 8,83% và 6,00% năm 2022 lên 9,25% và 6,48% năm 2023. Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần tăng từ 7,04% lên 7,34%. Điều này cho thấy Công ty đã sử dụng hiệu quả nguồn vốn chủ sở hữu và tài sản của mình, từ đó duy trì mức sinh lợi của Công ty trong bối cảnh kinh tế khó khăn.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 12.374.997 cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 12.374.997 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Phân loại theo cổ đông trong nước và nước ngoài tại ngày 31/12/2023.

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	2.457.578	19,86	1	1	-
2	Cổ đông lớn	8.355.658	67,52	2	2	-
-	Trong nước	8.355.658	67,52	2	2	-
-	Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Công đoàn công ty	-	-	-	-	-
4	Cổ đông khác	1.561.761	12,62	499	29	470
-	Trong nước	1.479.541	11,96	472	9	463
-	Nước ngoài	82.220	0,66	27	20	7
TỔNG CỘNG		12.374.997	100	502	32	470
Trong đó: - Trong nước		12.292.777	99	475	12	463
- Nước ngoài		82.220	1	27	20	7

Căn cứ công văn số 6065/UBCK-PTTT ngày 12 tháng 09 năm 2022, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là: 50%.



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Không có.



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có.



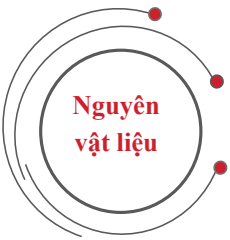
CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có.

“*Phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa ba mặt: kinh tế, xã hội và môi trường. Trong hai thập kỷ qua, trên bình diện quốc tế, vấn đề phát triển bền vững ngày càng được đặc biệt quan tâm, trở thành xu thế chung của toàn nhân loại. Đảng và chính phủ Việt Nam đã ban hành Chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2011-2020 và gần đây nhất là Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự (CTNS) 2030 vì sự phát triển bền vững. Điều này thể hiện sự cam kết của Đảng và Nhà nước ta trong việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.*”



- Là doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm từ cao su, Berubco luôn ý thức rõ ràng về trách nhiệm bảo vệ môi trường. Chúng tôi cam kết giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực của hoạt động sản xuất kinh doanh đến môi trường, hướng đến sự phát triển bền vững.
- Quản lý môi trường không chỉ là yêu cầu pháp lý mà còn là trách nhiệm xã hội của Berubco đối với cộng đồng. Chúng tôi cam kết tạo ra môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ, bảo vệ sức khỏe người lao động và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.
- Berubco luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường. Chúng tôi đầu tư hệ thống xử lý môi trường hiện đại, kiểm soát chặt chẽ chất thải nguy hại và thường xuyên tổ chức các hoạt động nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ nhân viên.



Tăng trưởng kinh tế đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao đời sống con người. Tuy nhiên, sự phát triển đi kèm với những thách thức như khan hiếm tài nguyên, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu. Do đó, việc tìm kiếm sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường là vô cùng cấp thiết. Berubco luôn nỗ lực hài hòa giữa mục tiêu phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Công ty luôn chú trọng tối ưu hóa quá trình sản xuất và giảm thiểu chi phí hoạt động, thông qua việc:

- Rà soát, hoàn thiện và chuẩn hóa các bộ tiêu chuẩn định mức về tiêu hao vật tư, nguyên vật liệu tiêu thụ, cũng như các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.
- Áp dụng các công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường.
- Chủ động tìm kiếm, mua hàng và đàm phán giá với các nhà cung cấp uy tín, đảm bảo nguồn hàng ổn định về số lượng, chất lượng và giá cả phù hợp.
- Xây dựng mối quan hệ bền vững với các nhà cung cấp đáng tin cậy, nhằm đảm bảo chất lượng và giá cả ổn định trong dài hạn.

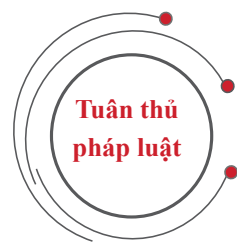
Những giải pháp trên đã góp phần giúp công ty giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, đồng thời nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.



Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là giải pháp quan trọng để tiết kiệm chi phí, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Công ty cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Đầu tư trang thiết bị hiện đại, tiết kiệm năng lượng.
- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc.
- Nâng cao ý thức sử dụng năng lượng của người lao động.

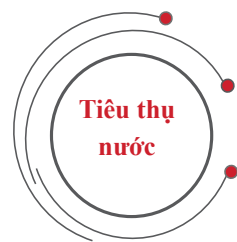
Việc kiểm tra bảo dưỡng định kỳ giúp phát hiện và khắc phục kịp thời các hư hỏng, giảm tiêu hao năng lượng, nâng cao hiệu quả hoạt động. Điều này, không chỉ mang lại lợi ích kinh tế cho Công ty mà còn góp phần bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.



Công ty hiểu rõ tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển. Văn hóa bảo vệ môi trường được xây dựng và lan tỏa mạnh mẽ, nâng cao ý thức cho toàn thể CBCNV từ cấp cao nhất đến cấp thấp nhất. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh được thực hiện đồng bộ với các giải pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh. Lượng nhiên liệu tiêu thụ được kiểm soát chặt chẽ, duy trì ổn định qua các năm. Năm 2023, Công ty không vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và không bị xử phạt.

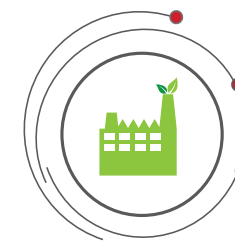
Mục tiêu quản lý môi trường:

- Không có khiếu kiện về môi trường từ các bên quan tâm;
- Không xảy ra cháy nổ;
- Không xảy ra tràn đổ hóa chất trong Công ty;
- Các yêu cầu của Pháp luật và yêu cầu liên quan đến môi trường được cập nhật và đánh giá sự tuân thủ.



Bảo vệ môi trường nước là trách nhiệm chung của toàn xã hội. Công ty cam kết đồng hành cùng Chính phủ, các tổ chức và cá nhân trong nỗ lực bảo vệ nguồn tài nguyên quý giá này. Công ty tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời triển khai nhiều giải pháp cụ thể để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường nước, như:

- Khuyến khích cán bộ nhân viên sử dụng nước tiết kiệm
- Xây dựng và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải hiện đại, đảm bảo nước thải đạt chuẩn quốc gia trước khi thải ra môi trường.
- Tăng cường trách nhiệm của cán bộ nhân viên trong việc bảo vệ môi trường nước.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững, Công ty luôn tích cực triển khai các chương trình an sinh xã hội. Thông qua các hoạt động này, Công ty mong muốn lan tỏa tình yêu thương, góp phần vun đắp giá trị sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng. Ngoài các chương trình ủng hộ quỹ an sinh xã hội theo định kỳ hàng năm, Công ty cũng tham gia công tác tài trợ, hỗ trợ khác, v.v...

Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện các công tác chăm lo đến đời sống người lao động và thực hiện công tác an sinh, xã hội như sau:

- Chăm lo quà nhân dịp Tết nguyên đán quý Mão 2023 với tổng số tiền 107 triệu đồng. Ngoài ra Công ty hỗ trợ 25 tấm vé nghĩa tình cho CNVLD ở xa quê như: Quảng Ngãi, Bình Định, Thanh Hóa, Nghệ An ... tổng số tiền 15.800.000 đồng.
- Nhân kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 họp mặt tại công ty và tặng quà cho 38 nữ CNVLD bên cạnh đó Công đoàn tổ chức Hội thao kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Hội Liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10 nhân dịp đó CĐ trao 38 phần quà Tổng số tiền 15 triệu đồng, các giải phong trào trong hội thao được Chính quyền Công ty khen thưởng 14 triệu đồng, nhân dịp 1/6 trao quà cho 237 cháu con của CNV-LĐ, trao 7 suất học bổng Nguyễn Đức Cảnh, khen thưởng học sinh giỏi các cấp tổng số tiền 25 triệu đồng.
- Công đoàn tổ chức tặng quà bánh trung thu cho toàn thể CNV-LĐ mỗi phần quà trị giá 275 ngàn đồng, Tổng chi nhân dịp Tết Trung thu 62 triệu đồng.

Với những gì đã đạt được trong những năm qua, Công ty luôn cố gắng gìn giữ và tiếp tục phát triển, thực hiện những hoạt động ý nghĩa và những đóng góp thiết thực đến khách hàng, đối tác, cộng đồng, xã hội và đất nước.



3

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- | | |
|---|----|
| • Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh | 50 |
| • Tình hình tài chính | 56 |
| • Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý | 58 |
| • Kế hoạch phát triển trong tương lai | 60 |



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kinh tế Việt Nam năm 2023 đạt được nhiều thành tựu quan trọng, vượt qua những khó khăn, thách thức của bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế. Theo Tổng cục Thống kê, GDP năm 2023 tăng 5,05% so với năm 2022.

Trong bối cảnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng chịu tác động không nhỏ do ảnh hưởng kinh tế gây ra. Tuy nhiên, với những nỗ lực của toàn thể CBCNV đã vượt qua thách thức với những khó khăn và thuận lợi như sau:

KHÓ KHĂN

- Nền kinh tế Việt Nam năm 2023 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang đối mặt với nhiều thách thức, biến động khó lường. Đáng chú ý là tình trạng lạm phát, lãi suất tăng cao ở một số quốc gia, buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Bên cạnh đó, cạnh tranh địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine,... cũng làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu và đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao đột biến.
- Lạm phát tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn neo ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao; thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu tiếp tục suy giảm; hàng rào bảo hộ, phòng vệ thương mại gia tăng... ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu của khu vực và thế giới.
- Nhiều quốc gia, trong đó có các đối tác thương mại lớn của Việt Nam tăng trưởng chậm lại, nợ công tăng cao, tiềm ẩn nhiều rủi ro, tổng cầu thế giới suy giảm, tác động trực tiếp tới các quốc gia có độ mở kinh tế lớn, trong đó có Việt Nam.
- Trong nước, thị trường bất động sản đóng băng, đầu tư công giảm so với cùng kỳ, giá nhiên liệu vận tải tăng, thuế nhập xuất khẩu Clinker tăng từ 5% lên 10% từ ngày 01/01/2023, nhu cầu thị trường giảm nên các công ty ngành Xi măng đang hoạt động cầm chừng, khoảng 50% công suất. Vì vậy, đơn đặt hàng băng tải ở ngành này giảm mạnh.
- Đối với ngành phân bón: giá xăng dầu tăng kéo theo giá phân bón tăng, những công ty phân bón tư nhân bị đình trệ, do đó, họ buộc phải cắt giảm chi phí đầu vào và quyết định chọn mua băng tải cao su giá rẻ. Một số nhà máy phân bón tiêu thụ chậm do xuất khẩu ít, cạnh tranh phân bón tư nhân, nên việc mua băng tải chậm.
- Các ngành khác như Cơ khí, Khai thác đá,... hầu hết đều sử dụng băng tải giá rẻ của Trung Quốc hoặc băng tải cũ đã qua sử dụng để giảm thiểu chi phí đầu vào nên việc thâm nhập, mở rộng ở các ngành này gặp nhiều khó khăn.
- Ngành gạo vẫn còn cơ hội mở rộng thị trường, tuy nhiên giá bán vào ngành hàng này bắt buộc phải cạnh tranh với hàng Trung Quốc giá rẻ, hàng băng tải cũ đã qua sử dụng nên vẫn khó chiếm lĩnh hoàn toàn thị trường này. Khách hàng ngành này dần chuyển sang băng tải PVC để thay thế cho băng tải cao su vì tính an toàn, bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm.
- Trước tình hình khó khăn chung của kinh tế thế giới, nhiều khách hàng đã phản hồi việc mua bán hàng hóa bị giảm nhiều, hàng tồn kho còn tồn đọng rất nhiều, do đó cắt giảm bớt các đơn đặt hàng.

THUẬN LỢI

- Dù phải đối mặt với những khó khăn, thách thức của nền kinh tế thế giới, nhưng nhờ các giải pháp điều hành kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ được triển khai đồng bộ, nền kinh tế Việt Nam đã đạt mức tăng trưởng ấn tượng trong giai đoạn 2011 - 2023.
- Được sự định hướng và chỉ đạo của các chủ sở hữu thông qua Hội đồng quản trị nên việc thực hiện kế hoạch hóa sản xuất kinh doanh của Công ty được thuận lợi.
- Thực hiện tốt công tác duy trì, phát huy mối quan hệ thân thiết với khách hàng truyền thống và giữ vững thị trường trong ngành than và xi măng.
- Sản phẩm băng tải cao su từng bước nhận được sự tin dùng trong các lĩnh vực khác như: cơ khí, khai thác đá, nhiệt điện, chế biến gỗ, thức ăn chăn nuôi,...
- Bộ máy gọn nhẹ với đội ngũ lao động trẻ, năng động, nhiệt tình nên các vấn đề phát sinh trong quản lý, bán hàng, sản xuất... đều được giải quyết nhanh chóng.
- Dự đoán được tình hình giá cả thị trường để nhập mua nguyên vật liệu dự phòng trong nhiều tháng, chủ động nguồn nguyên liệu, tránh được sự biến động về giá cả, giảm thiểu chi phí.
- Ngành than và khoáng sản: Mặc dù gặp nhiều khó khăn, nhưng năm 2023, Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã sản xuất 39,04 triệu tấn than thành phẩm, đạt 101% kế hoạch năm; tiêu thụ 47,8 triệu tấn than, đạt 102,8% kế hoạch năm và bằng 101,7% so với năm 2022. Từ đó nhu cầu sử dụng băng tải cũng nhiều hơn.
- Ngành xi măng: mặc dù gặp nhiều khó khăn khiến việc tiêu thụ băng tải vào ngành này giảm, tuy nhiên hầu hết các khách hàng đều tin dùng sản phẩm băng tải của Cao su Bến Thành.



CÔNG TÁC KINH DOANH

Về khách hàng: đối với từng nhóm ngành Công ty đã tăng cường tìm kiếm, triển khai nhiều chính sách bán hàng để gia tăng số lượng khách hàng mới nhằm mục đích gia tăng sản lượng bán hàng. Lạm phát tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn neo ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao; thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu tiếp tục suy giảm; hàng rào bảo hộ, phòng vệ thương mại gia tăng... ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu của khu vực và thế giới.

Về giá bán: tùy vào tình hình cụ thể mà Công ty có chính sách giá bán linh hoạt, phù hợp để đảm bảo chỉ tiêu doanh số và lợi nhuận. Thời gian gần đây, giá bán của Berubco đã có thể cạnh tranh được với các đối thủ trong ngành và mở rộng được thị phần nhất định.

Hoạt động tiếp thị, quảng bá sản phẩm: Công ty đã chủ động gặp gỡ và làm việc với các khách hàng mới. Lũy kế cả năm 2023, Công ty đã tham gia các hội chợ, triển lãm để quảng bá sản phẩm gồm:

- Ký kết hợp đồng thương mại giữa Việt Nam và Nhật Bản, ngày 27/02/2023 tại Trung tâm Thông tin Khoa học Công nghệ - Q.11, TP.HCM.

- Hội nghị giới thiệu chuỗi triển lãm thương mại quốc tế ngày 28/03/2023 tại khách sạn Kim Đô - 133 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM.
- Triển lãm Hội thảo Quốc tế ngành Giấy và Bột giấy từ ngày 14->16/06/2023 tại Trung tâm Hội chợ và triển lãm Sài Gòn (SECC), Q.7.
- Triển lãm Quốc tế Công nghiệp Việt Nam (VIIS) 2023 từ ngày 28->30/06/2023 tại Trung tâm triển lãm Quốc tế ICE Hà Nội.
- Triển lãm quốc tế ngành xi măng và bê tông Việt Nam 2023, 22-23/11/2023 tại Trung tâm hội nghị tân sơn nhất Pavillon Phú Nhuận.
- Triển lãm Sản phẩm Công nghiệp Hỗ trợ Việt Nam năm 2023, 07-09/12/2023 tại Trung tâm Hội chợ và triển lãm Sài Gòn (SECC), Q.7.
- International Festival Viet Nam Rice Industry Hau Giang 2023, 11-15/12/2023 tại Hậu Giang.
- Hội nghị Quốc tế ngành Cao su tại Việt Nam 15/12/2023 tại Khách sạn Pullman Vũng Tàu.



CÔNG TÁC KỸ THUẬT

- Bộ phận kỹ thuật đã đánh giá giám sát và đánh giá mở rộng thêm 2 chỉ tiêu độ bám dính và độ cứng theo ISO 17025:2017 (Vilas)
- Nghiên cứu và đã áp dụng công thức cao su mặt mới và xác định công nghệ sản xuất băng tải gân tôn.
- Xác định công nghệ sản xuất băng bida 3m vào sản xuất đại trà.
- Đã thực hiện việc thay thế dầu PX-2 bằng dầu TOTM cho băng tải chịu nhiệt 150°C cường lực cao 20Mpa
- Đã áp dụng vào sản xuất đại trà 2 loại băng tải trơn và gân cường lực thấp 7Mpa
- Đã áp dụng vào sản xuất công thức pha chế cao su mặt mới băng tải 11Mpa cho xuất khẩu.
- Nghiên cứu và áp dụng hóa chất mới AN220 thay thế cho PN760 cho cán tráng băng tải lõi thép loại thông dụng.

CÔNG TÁC SẢN XUẤT, BẢO TRÌ TẠI XƯỞNG

VỀ CHẤT LƯỢNG

- Duy trì thực hiện ổn định chất lượng các dòng sản phẩm chủ lực: băng tải, dây courroie, cao su kỹ thuật... đảm bảo sự tuân thủ Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015.
- Thực hiện đánh giá định kỳ hệ thống quản lý chất lượng đối với các sản phẩm cao su kỹ thuật của East West định kỳ năm 2023.
- Sản xuất các loại băng tải Muhler, băng tải khổ lớn 1800mm, băng tải gân giá rẻ.
- Triển khai sản xuất thành công băng tải gân máy cán tôn.
- Thử nghiệm sản xuất thành công băng bida 3M.
- Triển khai sản xuất đơn hàng phao chống tràn dầu cho Malaysia.
- Tiếp tục duy trì sản xuất một số dòng sản phẩm cao su kỹ thuật mới để xuất khẩu, các sản phẩm của East West, bida Super Speed, Johnson Wood...
- Tiếp tục xử lý hàng tồn kho dây courroie.



CÔNG TÁC SẢN XUẤT, BẢO TRÌ TẠI XƯỞNG

VỀ TÌNH HÌNH MÁY MÓC THIẾT BỊ VÀ NHÀ XƯỞNG

- Duy trì ổn định máy móc thiết bị phục vụ sản xuất.
- Thay tấm thớt làm mát máy lưu hóa băng tải 6M.
- Sửa chữa máy ép 35-1 và máy 35-2 bị tét xilanh, khung dầm
- Chế tạo thiết bị phụ trợ, bộ gá và đưa vào sản xuất máy bi da 3M.
- Bảo trì thay phốt máy lưu hóa băng tải 2x3M.
- Cải tạo đường nước phân phối đến các quạt phun sương curoa.
- Cải tạo lại trục vít điều chỉnh khe hở trục máy cán hồ 75L.
- Đã chế tạo lắp đặt bộ kéo khuôn TCB dày phục vụ sản xuất góp phần thao tác công nhân nhẹ nhàng hơn và nâng cao năng suất lao động.
- Triển khai hệ thống màn hình dữ liệu thông số sản xuất đến các phân xưởng sản xuất, từng bước chuyển đổi số tại xưởng sản xuất.

VẤN ĐỀ TUÂN THỦ NỘI QUY, AN TOÀN, BHLĐ, PCCN VÀ VSCN

- Phối hợp bảo trì hệ thống chữa cháy, báo cháy tự động.
- Phối hợp kiểm tra định kỳ về công tác an toàn vệ sinh công nghiệp và hệ thống PCCC.
- Duy trì sự tuân thủ chặt chẽ quy trình làm việc an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp, trong năm không xảy ra tai nạn lao động.
- Đã thực hiện bình bầu cuối năm.
- Tiếp tục thực hiện đánh giá KPI hàng tháng để nâng cao ý thức làm việc và cải thiện năng suất lao động.

CÁC VẤN ĐỀ HUẤN LUYỆN, ĐÀO TẠO

- Theo dõi và huấn luyện đào tạo cho công nhân mới nhằm sớm đưa vào bù lực lượng lao động nghỉ việc để ổn định sản xuất ở một số công đoạn.
- Huấn luyện cho công nhân sửa chữa sản phẩm tấm lót sàn nhằm cải thiện tay nghề và nâng cao năng suất làm việc.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

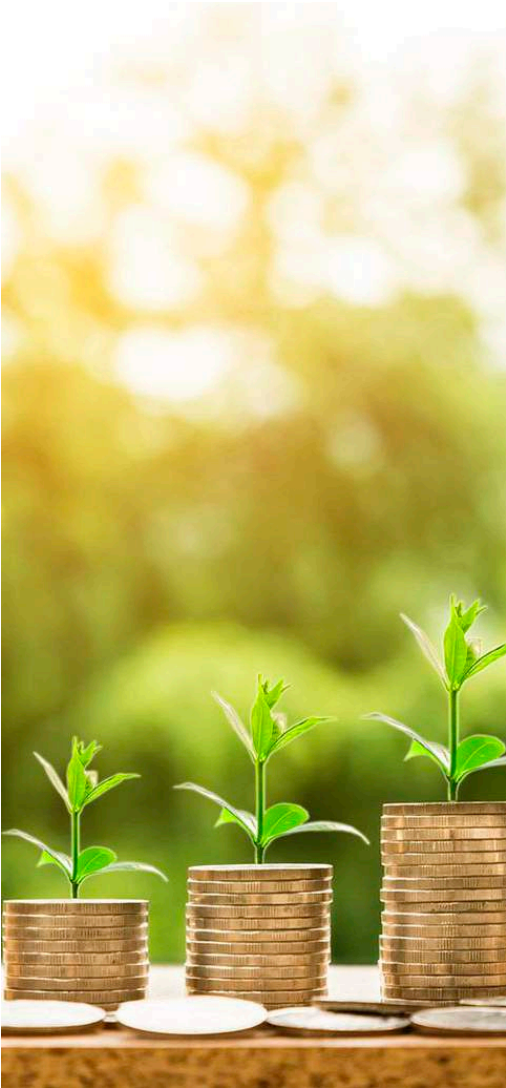
TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	Tỷ trọng năm 2023	31/12/2022	Tỷ trọng năm 2022	% Tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	197.175	67,85%	208.383	67,39%	-5,38%
Tài sản dài hạn	93.435	32,15%	100.848	32,61%	-7,35%
Tổng tài sản	290.610	100%	309.231	100%	-6,02%

Tổng tài sản của Berubco tính đến ngày 31/12/2023 đạt 290,61 tỷ đồng, giảm 6,02% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tài sản ngắn hạn giảm 5,38% so với năm 2022. Ban lãnh đạo Berubco đã chủ động thực hiện chiến lược giảm hàng tồn kho nhằm hạn chế rủi ro tồn đọng hàng hóa trong bối cảnh kinh doanh đầy khó khăn năm 2023.

Đồng thời, tài sản dài hạn của Berubco giảm 7,35% so với cùng kỳ năm trước, xuống còn 93,44 tỷ đồng. Tuy nhiên, tỷ trọng tài sản dài hạn vẫn chiếm 32,15% tổng tài sản, cho thấy Berubco vẫn chú trọng vào các trang thiết bị, nhà xưởng để nâng cao năng lực sản xuất.



TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	Tỷ trọng năm 2023	31/12/2022	Tỷ trọng năm 2022	% Tăng giảm
Nợ phải trả	80.800	27,80%	98.933	31,99%	-18,33%
- Nợ ngắn hạn	80.800	27,80%	98.933	31,99%	-18,33%
- Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	209.810	72,20%	210.298	68,01%	-0,23%
Tổng Nguồn vốn	290.610	100%	309.231	100%	-6,02%

Cơ cấu nợ phải trả của Berubco chủ yếu là nợ ngắn hạn. Tính đến ngày 31/12/2023, nợ phải trả giảm xuống còn 80,80 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 27,80% tổng nguồn vốn. Đặc thù ngành sản xuất của Berubco đòi hỏi vốn lưu động lớn để tài trợ cho các hoạt động sản xuất và mua sắm các nguyên vật liệu. Đồng thời, trong năm Công ty chủ động thanh toán dần các khoản nợ ngắn hạn. Berubco ưu tiên sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu để giảm thiểu chi phí lãi vay và tăng hiệu quả sử dụng vốn. Nhờ vậy, tỷ trọng vốn chủ sở hữu luôn được duy trì ở mức cao, đảm bảo sự ổn định tài chính cho Công ty. Tính đến cuối năm 2023, vốn chủ sở hữu chiếm 72,2% tổng nguồn vốn, tương đương 209,81 tỷ đồng.



● NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT

- » Luôn tuân thủ nghiêm ngặt hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 cho toàn bộ các Phòng Ban của Công ty. Đảm bảo quá trình sản xuất ổn định và chất lượng sản phẩm đồng đều. Bên cạnh đó, phòng thí nghiệm còn được vận hành theo hệ thống ISO 17025, giúp cho kết quả kiểm nghiệm đạt độ chính xác và tin cậy cao.
- » Luôn kiểm soát chặt chẽ định mức tiêu hao nguyên liệu, dụng cụ,... cũng như xây dựng kế hoạch tiết kiệm điện năng, than đá. Nhờ vậy công ty đã tiết giảm được chi phí sản xuất đáng kể.
- » Xây dựng kế hoạch dự trữ nguyên liệu cao su hóa chất hợp lý cũng như duy trì từ 3 - 4 nhà cung cấp cho từng loại nguyên vật liệu. Nhờ đó, Công ty đã đảm bảo nguồn cung nguyên vật liệu không bị đứt chuỗi cung ứng trong giai đoạn khó khăn và duy trì giá mua được cạnh tranh hơn.
- » Triển khai các lịch trình sản xuất phù hợp, đáp ứng tiến độ giao hàng. Công tác bảo trì bảo dưỡng sửa chữa thiết bị được thực hiện kịp thời, đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động ổn định, giúp quá trình sản xuất của đơn vị diễn ra suôn sẻ.
- » Luôn chú trọng đến công tác đảm bảo An toàn – Vệ sinh – Môi trường trong sản xuất. Điều này giúp người lao động an tâm làm việc, góp phần đảm bảo an toàn cho đơn vị sản xuất. Bên cạnh đó, các chính sách chăm lo đời sống cho cán bộ nhân viên cũng được Công ty triển khai hiệu quả, giúp giữ chân hầu hết cán bộ người lao động gắn bó với Công ty.



CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU CẢI TIẾN, ÁP DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT

- » Chú trọng sử dụng các kỹ thuật tiên tiến, áp dụng hiệu quả các sáng kiến cải tiến kỹ thuật chế tạo máy, trang thiết bị sử dụng trong quá trình sơ chế mủ cao su thiên nhiên. Việc này giúp hạn chế tối đa sai sót về kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành sản phẩm và giảm chi phí sản xuất cho khách hàng.



QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC

- » Berubco hiểu rằng, động lực là yếu tố quan trọng giúp người lao động phát huy hết khả năng, cống hiến cho sự phát triển của doanh nghiệp. Do đó, Berubco đã triển khai nhiều giải pháp để tạo động lực cho người lao động, bao gồm:
 - Tạo môi trường làm việc an toàn, xanh, sạch;
 - Đảm bảo việc làm ổn định;
 - Chính sách lương thưởng hợp lý;
 - Lộ trình thăng tiến rõ ràng, công bằng;
 - Khuyến khích người lao động đóng góp ý kiến, đề cao các ý tưởng sáng tạo;
 - Hỗ trợ người lao động như việc khám sức khỏe định kỳ và các phúc lợi xã hội khác.

● KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024

- » Với áp lực cạnh tranh diễn ra theo chiều hướng gia tăng trong ngành, việc duy trì mối quan hệ đối với nhóm khách hàng cũ sẽ được Công ty chú trọng. Cùng với đó là hoạt động mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng mới nhằm thúc đẩy tăng trưởng sẽ tiếp tục là mục tiêu hàng đầu của Công ty.
- » Nhằm hạn chế ảnh hưởng từ những biến động ngoài dự kiến của tăng trưởng kinh tế trong nước và quốc tế, Công ty nỗ lực phát triển thị trường tiêu thụ theo hướng đa dạng hóa lĩnh vực sản xuất. Điều này giúp Công ty đa dạng hóa phân khúc khách hàng, tận dụng tối đa cơ hội tìm kiếm khách hàng mới và giảm thiểu rủi ro biến động doanh thu từ sự phụ thuộc vào một ngành sản xuất nhất định.
- » Các giải pháp về bán hàng đóng vai trò quan trọng, bao gồm phát triển các kế hoạch marketing tại các thị trường hiện hữu và các thị trường mới của Công ty. Nhờ đó, chính sách bán hàng sẽ có sự linh hoạt hơn nhằm mở rộng nhanh thị phần khách hàng.
- » Đề cao việc tiết giảm chi phí hoạt động và chi phí tài chính nhằm hạn chế biến động từ chi phí đầu vào lên biên lợi nhuận. Song song với đó là gia tăng sự an toàn, hiệu quả và bền vững trong hoạt động kinh doanh.



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	% KH/TH
I	SẢN XUẤT KINH DOANH				
1	Sản lượng sản xuất				
-	Băng tải	m²	153.314	177.000	115,4
	<i>Trong đó: Băng tải lõi thép</i>	m²	<i>15.862</i>	<i>14.500</i>	<i>91,4</i>
-	Dây courroie	inch	18.794.297	19.000.000	101,1
-	Cao su kỹ thuật	kg	1.846.261	1.900.000	102,9
2	Sản lượng tiêu thụ				
-	Băng tải	m²	152.184	177.000	116,3
-	<i>Trong đó: Băng tải lõi thép</i>	m²	<i>18.169</i>	<i>14.500</i>	<i>79,8</i>
-	Dây courroie	inch	20.156.930	19.000.000	94,3
-	Cao su kỹ thuật	kg	1.797.671	1.900.000	105,7
3	Tổng Doanh thu và thu nhập	Tr.Đồng	334.516	329.929	98,6
4	Kết quả kinh doanh	Tr.Đồng	24.188	24.532	101,4
5	Các khoản nộp ngân sách	Tr.Đồng	28.633	29.500	103,0
II	XUẤT NHẬP KHẨU				
1	Kim ngạch nhập khẩu	1.000 USD	2.043	2.600	127,3
2	Kim ngạch xuất khẩu	1.000 USD	3.716	3.900	105,0
III	CHỈ TIÊU KHÁC				
1	Tổng số lao động	Người	216	225	104,2
2	Lương bình quân	Ng.đồng	12,50	12,60	100,8

MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Trước bối cảnh kinh tế thế giới đầy biến động, dự báo kinh tế Việt Nam năm 2024 sẽ tiếp tục phục hồi với lạm phát được kiểm soát ở mức 3,5%, mục tiêu tăng trưởng kinh tế khoảng 6,5% so với năm 2023. Tận dụng xu hướng phục hồi, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo. Do đó, Công ty đã đưa ra các giải pháp nhằm thực hiện kế hoạch năm 2024:



Giải pháp bán hàng

- » Tập trung tăng tiêu thụ sản phẩm cốt lõi: Băng tải lõi thép, lõi vải và dây courroie, bên cạnh đó tập trung phát triển sản phẩm Cao su kỹ thuật:
- Đối với thị trường trong nước: ưu tiên phát triển các dòng sản phẩm cao su kỹ thuật có giá cả cạnh tranh.
- Đối với thị trường nước ngoài: ưu tiên phát triển dòng sản phẩm cao su kỹ thuật có chất lượng kỹ thuật cao, phục vụ cho các ngành công nông nghiệp, đủ sức cạnh tranh kể cả các thị trường khó tính như Nhật, Mỹ,...
- » Đẩy mạnh việc chào bán thanh cao su đệm bàn bida phẳng đến các khách hàng trong nước.
- » Tiếp tục tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước ở các ngành như Khai thác Than, Xi măng, đồng thời tạo được sự quan tâm của các đối tác có mặt trong buổi hội chợ.
- » Tìm kiếm thông tin mở rộng mạng lưới khách hàng, đặc biệt là các khách hàng thuộc các ngành như; Ngành khai thác Than; Ngành Xi măng; Ngành Phân bón; Ngành sản xuất lúa gạo...
- » Duy trì chăm sóc tốt khách hàng truyền thống và giữ vững thị trường trong ngành Khai thác Than và Xi măng. Đặc biệt là mở rộng khách hàng nước ngoài vì đây là thị trường tiềm năng chưa được khai thác hết.
- » Tiếp tục duy trì quảng bá hình ảnh trên Google Search; email marketing; báo điện tử; trang Web của Công ty để quảng bá phát triển thương hiệu và tăng số lượng khách hàng trong nước và ngoài nước.
- » Quảng bá hình ảnh trên mạng điện tử Linked In để tiếp cận được nhiều khách hàng hơn.
- » Đặc biệt là tiếp tục quảng cáo sản phẩm băng tải cáp thép ra thị trường phía Bắc, tiếp cận những khách hàng nhỏ để có cơ hội xâm nhập vào những khách hàng với quy mô lớn.
- » Duy trì tốt quan hệ với khách hàng truyền thống và giữ vững thị trường trong ngành than và xi măng.
- » Tiếp tục tham gia các chương trình sản phẩm tiêu biểu, doanh nghiệp tiêu biểu, doanh nghiệp phát triển bền vững (CSI) để nâng cao giá trị thương hiệu của Công ty.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



Giải pháp Kế hoạch - vật tư

- » Theo nhận định thị trường, năm 2024 giá thị trường của một số nguyên vật liệu có xu hướng tăng cao hơn, do đó bộ phận Kế hoạch bám sát, theo dõi cập nhật tình hình thị trường cũng như nhu cầu sản xuất của Công ty, từ đó xây dựng kế hoạch đặt hàng phù hợp, tránh tình trạng lãng phí hay đặt hàng không đáp ứng cho sản xuất, các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong năm:
- Cung ứng đầy đủ, kịp thời các chủng loại vật tư phục vụ bảo trì, bảo dưỡng máy móc.
- Thực hiện tốt các yêu cầu của Ban quản lý chất lượng.
- Bảo đảm cung cấp đủ thông số kỹ thuật đi kèm hàng hóa nhập kho để làm cơ sở cho các bộ phận liên quan xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật của nguyên liệu đầu vào.
- Tiếp tục theo dõi thị trường, cũng như đưa ra các dự báo để bắt kịp xu hướng thị trường, từ đó có thể lên kế hoạch đơn hàng để đáp ứng nhu cầu sản xuất của Công ty.
- Đảm bảo lập kế hoạch sản xuất, thủ tục xuất – nhập hàng hóa, thực hiện công tác giao hàng nhanh chóng, chính xác, kịp tiến độ.
- » Tiếp tục thực hiện các mục tiêu trọng tâm của Công ty trong năm 2023 chưa hoàn thành, cũng như các mục tiêu mới trong năm 2024. Ngoài ra, bộ phận Kế hoạch tiếp tục thực hiện các công việc được chỉ đạo từ Tổng Giám đốc để nâng cao năng suất, cải thiện chất lượng cho quá trình sản xuất của Công ty.



Công tác quản lý

- » Rà soát cơ cấu tổ chức, bộ máy, cách thức tổ chức sản xuất mới đảm bảo phù hợp với sự phát triển của Công ty trong từng giai đoạn. Tạo dựng môi trường làm việc gắn với “hiệu quả” nhằm thu hút nguồn lực có trình độ, kinh nghiệm làm việc lâu dài cho Công ty.
- » Triển khai thực hiện hoạt động đánh giá công việc theo KPI nhằm đánh giá đúng hiệu quả công việc của CBCNV, đề xuất các chế độ khen thưởng hợp lý.
- » Duy trì họp giao ban xưởng hằng tháng để triển khai một số công việc thực hiện trọng điểm nhằm kịp thời xử lý các vấn đề trong sản xuất.
- » Tiếp tục áp dụng các mức phạt chế tài về vi phạm nội quy an toàn lao động.
- » Tăng cường hơn nữa sự giám sát của tổ trưởng sản xuất trong ca, tập trung công tác an toàn khi vận hành, không để xảy ra tai nạn lao động.



Công tác tài chính

- » Tuân thủ đầy đủ các quy chế tài chính, quy chế quản lý nợ
- » Tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ để giảm tối đa nợ quá hạn.
- » Chuẩn bị nguồn cho các hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ, đảm bảo duy trì sản xuất liên tục.
- » Bám sát các chỉ số tài chính được xây dựng đúng theo kế hoạch.
- » Thực hiện đầy đủ các báo cáo tài chính quý, năm, báo cáo thuế đúng thời hạn quy định.



Công tác kỹ thuật

- » Nghiên cứu công thức pha chế cao su mặt băng tải chống cháy loại 15Mpa.
- » Nghiên cứu công thức pha chế mới Bida chữ L độ cứng 50 shore A, tung nẩy 76.
- » Khắc phục hiện tượng dơ khuôn sản phẩm Download Clamp.
- » Nghiên cứu cải tiến cao su mặt băng tải chịu nhiệt 180°C cải thiện tính năng kháng mài mòn thêm 10mm³.
- » Nghiên cứu công thức thanh cao su màu vàng đốt 15 giây tự động tắt trong vòng 5 phút.
- » Tiếp tục duy trì cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015 cũng như tuân thủ các quy trình quy định, thông số kỹ thuật được ban hành.
- » Duy trì phòng thí nghiệm theo chuẩn Vilas (ISO 17025) để đảm bảo kết quả đo lường thử nghiệm được chính xác và ổn định.
- » Hàng tháng thực hiện đánh giá hiệu quả công việc, tuân thủ nội quy để có cơ sở khen thưởng, xử lý kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả công việc trong sản xuất.
- » Duy trì giải pháp ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, tránh biến động về giá.



Công tác chuyển đổi số

- » Triển khai áp dụng phần mềm quản lý sản xuất.
- » Đầu tư hệ thống giám sát thời gian và quy trình cán luyện bằng phần mềm kết hợp với hệ thống xử lý mã vạch.
- » Triển khai các quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật, thông số sản xuất của từng sản phẩm một cách trực tuyến thông qua hệ thống máy tính được lắp đặt cho từng xưởng sản xuất để tiết kiệm thời gian ban hành đồng thời kiểm soát hệ thống tài liệu một cách chặt chẽ.
- » Số hoá các biểu mẫu, thông số sản xuất, tạo các file biểu mẫu với các hàm mẫu giúp tăng hiệu quả công việc và giảm thời gian cho các công việc tính toán nguyên vật liệu cho đơn hàng, các dự toán cho thiết kế sản phẩm mới.
- » Tạo vùng chia sẻ dữ liệu dùng chung có phân quyền cho các phòng ban để dàng liên kết dữ liệu và thông tin với nhau.

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

66

68

69



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Hiệu quả về hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2023, tình hình kinh tế thế giới gặp nhiều thách thức do chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như: Sự nổi lòng tiền tệ trong giai đoạn 2020-2021 cộng hưởng tác động từ cuộc xung đột Nga – Ukraine đã đẩy lạm phát trên quy mô toàn cầu kể từ cuối năm 2022. Các động lực tăng trưởng truyền thống của kinh tế thế giới như thương mại, đầu tư, sản xuất tiếp tục gặp khó khăn. Các nền kinh tế lớn, đối tác thương mại, đầu tư chủ yếu của nước ta phục hồi chậm, thiếu bền vững, tăng trưởng thấp trong khi nhu cầu tiêu dùng còn yếu. Đến nay, lạm phát đã có dấu hiệu hạ nhiệt nhưng vẫn duy trì ở mức cao, dẫn tới xu hướng thắt chặt tiền tệ tiếp diễn ở nhiều nền kinh tế lớn, gây áp lực tỷ giá đối với đồng nội tệ, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu. Đối mặt với những khó khăn đó, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã chỉ đạo quyết liệt, nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao phó. Cụ thể, các chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh chủ yếu đạt được như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Thực hiện 2022	Tỷ lệ	
				TH23/ KH23	TH23/ TH22
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	329.665	334.516	340.154	101,47%	-1,66%
Lợi nhuận sau thuế	24.097	24.188	23.499	100,38%	2,94%
Cổ tức (%)	10	11 (*)	12,5	-	-

(*) Mức cổ tức dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua.

HĐQT đã luôn theo sát các biến động của thị trường, triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra những định hướng chỉ đạo phù hợp, linh hoạt, đảm bảo an toàn trong sản xuất kinh doanh và mở rộng thị trường, tối đa hóa hiệu quả. Với sự hỗ trợ của quý Khách hàng/Đối tác và nỗ lực vượt bậc, đoàn kết của tập thể CBCNV Công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ giao phó.

Doanh thu thuần về bán
hàng và cung cấp dịch vụ

Đạt 334,52 tỷ đồng

Hoàn thành 101,47% Kế hoạch
ĐHĐCĐ thông qua

Lợi nhuận sau thuế

Đạt 24,19 tỷ đồng

Hoàn thành 100,38% Kế hoạch
ĐHĐCĐ thông qua



Về chăm lo đời sống cho người lao động

Thu nhập bình quân của người lao động năm 2023 đạt xấp xỉ 100% so với kế hoạch, các chính sách phúc lợi đối với người lao động đều được thực hiện đầy đủ và tốt hơn, tạo nên sự phấn khởi và an tâm cho người lao động.



Về thực hiện nghĩa vụ ngân sách nhà nước

Công ty đã tính toán đúng và đầy đủ các khoản nộp ngân sách và đã thực hiện nộp đầy đủ các khoản phải nộp đúng hạn.



Về chấp hành pháp luật

Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty trong hoạt động điều hành sản xuất, kinh doanh.



Về an sinh xã hội

Công ty đã tham gia đầy đủ các hoạt động an sinh xã hội; công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- HĐQT công ty đã thực hiện tốt vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của mình trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành. HĐQT đã kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.
- HĐQT thông qua ý kiến của Ban kiểm soát trong các cuộc họp định kỳ. Trên cơ sở đó, HĐQT chỉ đạo Ban điều hành tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, quy chế, quy định của công ty nhằm nâng cao năng lực quản lý, sửa chữa kịp thời những thiếu sót, hạn chế trong điều hành sản xuất kinh doanh.
- Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình tài chính, đầu tư và sản xuất kinh doanh. Trên cơ sở đó, HĐQT có ý kiến chỉ đạo và giám sát chặt chẽ Ban điều hành về kết quả hoạt động của công ty. Ban điều hành công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, tuân thủ và thực hiện đúng đắn, đầy đủ các nội dung của nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Ban điều hành đã thực hiện đầy đủ, phù hợp việc lập và công bố thông tin báo cáo tài chính quý, năm theo các quy định của pháp luật hiện hành. Tổng Giám đốc và Ban điều hành luôn nỗ lực khắc phục các khó khăn, vướng mắc phát sinh; chủ động tổ chức các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với nhu cầu của thị trường.
- Ban điều hành đã xây dựng, thực hiện các giải pháp linh hoạt trong điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở nhận thức đúng đắn khó khăn, thách thức mà Công ty phải đối mặt. Nhờ vậy, kết quả sản xuất kinh doanh đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHCĐ đề ra.
- **Kết luận:** Trong một năm hoạt động với nhiều thách thức của môi trường vĩ mô, Ban Điều hành đã đoàn kết, nỗ lực vượt bậc, đưa ra các giải pháp điều hành phù hợp, kịp thời, hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt các Nghị quyết/Quyết định của ĐHCĐ và HĐQT.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Về hoạt động của Hội đồng quản trị

Trước kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 bên cạnh những thuận lợi về thương hiệu, chất lượng sản phẩm thì tình hình kinh tế trong và ngoài nước dự báo đang còn nhiều khó khăn, việc thắt chặt chi tiêu, cạnh tranh hàng nhập khẩu... Năm 2024 dự báo tiếp tục sẽ là một năm biến động khó lường. Với quyết tâm tập trung hoàn thành ở mức cao nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2024, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch hoạt động với các mục tiêu và giải pháp như sau:

Về hoạt động HĐQT:

- Thực hiện và đảm bảo hoạt động của HĐQT tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.
- Đảm bảo hoạt động của HĐQT luôn dựa trên lợi ích tốt nhất cho cổ đông và Công ty.
- Thực hiện đầy đủ các cuộc họp, trao đổi định kỳ đều đặn, nắm bắt kịp thời hoạt động kinh doanh của Công ty, chỉ đạo kịp thời đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHCĐ giao phó.
- Chỉ đạo, triển khai thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
- Tiếp tục hoàn thiện và triển khai công tác kiểm toán nội bộ theo đúng quy định pháp luật.
- Đảm bảo quyền lợi của các cổ đông theo đúng các quy định của pháp luật.

Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Nâng cao hiệu quả công tác quản trị nội bộ, từng bước số hóa, tinh gọn hệ thống quản lý của Công ty.
- Theo dõi tình hình thị trường để có giải pháp kịp thời linh hoạt về tiêu thụ, tồn kho, khách hàng, giá bán... đảm bảo lợi nhuận, dòng tiền, sản phẩm chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường. Tăng cường công tác quản lý từ tổ chức, quản trị các hoạt động sản xuất, kinh doanh; quản trị tài chính; quản trị các chi phí theo đúng quy định.
- Giữ vững thị trường hiện có, tập trung khai thác lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, nâng cao uy tín thương hiệu chất lượng sản phẩm, nhận diện cơ hội để phát triển. Tăng cường công tác tiếp thị, chủ động, tích cực tìm kiếm các thị trường, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, trong đó tập trung công tác xuất khẩu và quan hệ thương mại với các đối tác nước ngoài. Tập trung phát huy tối đa mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kinh doanh, mang lại lợi nhuận và khẳng định thương hiệu công ty.
- Tiếp tục duy trì và phát huy Hệ thống quản lý chất lượng, áp dụng các phương pháp tiên tiến trong điều hành sản xuất, khai thác tối đa công suất máy móc thiết bị, nâng cao năng suất lao động, sản lượng từng mặt hàng; đầu tư đổi mới công nghệ ứng dụng trong quản lý và sản xuất.
- Chú trọng công tác quản lý phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, từng bước hoàn thiện bộ máy công ty theo hướng chuyên nghiệp hóa. Tuyển dụng nhân lực kỹ thuật có trình độ và kinh nghiệm để phục vụ việc đầu tư các sản phẩm mang hàm chất xám cao, sản phẩm mới. Chú trọng việc tăng trưởng của công ty, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động.
- Phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành công ty triển khai các giải pháp quản trị, kiểm soát và đánh giá các hoạt động từng tháng và quý. Chủ động triển khai các giải pháp điều hành kịp thời, có hiệu quả, đảm bảo đạt được mục tiêu, kế hoạch đề ra.

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hoạt động của Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGĐ và BKS

72

78

80





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Diệp Xuân Trường	Chủ tịch HĐQT	CN: 0 ĐD: 4.189.408	CN: 0 ĐD: 33,85
2	Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	CN: 16.698 ĐD: 1.856.250	CN: 0,13 ĐD: 15
3	Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT	CN: 0 ĐD: 2.457.587	CN: 0 ĐD: 19,86
4	Ông Văn Trọng Long	Thành viên HĐQT độc lập	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0 ĐD: 0
5	Ông Nguyễn Thanh Phúc	Thành viên HĐQT	CN: 0 ĐD: 2.310.000	CN: 0 ĐD: 18,67

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty không thành lập các tiểu ban

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Ông Diệp Xuân Trường	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	
2	Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	4/4	100%	
3	Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
4	Ông Văn Trọng Long	Thành viên HĐQT độc lập	4/4	100%	
5	Ông Nguyễn Thanh Phúc	Thành viên HĐQT	4/4	100%	



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nội dung và kết quả các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	445/QĐ-HĐQT	17/02/2023	Quyết định phê duyệt quyết toán quỹ lương năm 2022
2	446/QĐ-HĐQT	17/02/2023	Quyết định phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương, thù lao của người quản lý năm 2022
3	447/QĐ-HĐQT	17/02/2023	Quyết định về phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2023
4	448/QĐ-HĐQT	17/02/2023	Quyết định phê duyệt quỹ lương, thù lao của Người quản lý năm 2023
5	449/NQ-HĐQT	23/02/2023	Nghị quyết Hội đồng quản trị Quý 4 năm 2022
6	450/NQ-HĐQT	28/02/2023	Nghị quyết về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023
7	451/TB-HĐQT	28/02/2023	Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2023
8	452/NQ-HĐQT	04/04/2023	Nghị quyết về việc tạm hoãn và gia hạn kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
9	453/NQ-HĐQT	04/04/2023	Về việc chấp thuận chủ trương ký kết các Hợp đồng giao dịch giữa Công ty CP Cao su Bến Thành với “Người có liên quan”
10	454/BC-HĐQT	27/04/2023	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022
11	455/BC-HĐQT	27/04/2023	Báo cáo của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị năm 2022
12	456/TTr-HĐQT	27/04/2023	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán
13	457/TTr-HĐQT	27/04/2023	Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2022
14	458/TTr-HĐQT	27/04/2023	Tờ trình thông qua kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023
15	459/TTr-HĐQT	27/04/2023	Tờ trình mức thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch thù lao năm 2023



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
16	460/TTr-HĐQT	27/04/2023	Tờ trình sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty CP Cao su Bến Thành
17	461/TTr-HĐQT	27/04/2023	Tờ trình sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty CP Cao su Bến Thành
18	462/NQ-HĐQT	12/05/2023	Nghị quyết Hội đồng quản trị Quý 1/2023
19	463/BB-HĐQT	31/05/2023	Biên bản họp HĐQT về việc vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Nam Sài Gòn
20	464/NQ-HĐQT	09/06/2023	Nghị quyết về việc vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Sài Gòn
21	465/QĐ-HĐQT	14/06/2023	Quyết định về việc chọn đơn vị kiểm toán năm 2023
22	466/QĐ-HĐQT	15/06/2023	Quyết định về việc ngày chốt danh sách cổ đông và ngày thực hiện chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu của Công ty CP Cao su Bến Thành
23	467/QĐ-HĐQT	20/06/2023	Quyết định về việc ngày đăng ký cuối cùng và ngày thực hiện chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu của Công ty CP Cao su Bến Thành
24	468/QĐ-HĐQT	01/07/2023	Quyết định về việc nâng lương Người quản lý Công ty CP Cao su Bến Thành
25	469/QĐ-HĐQT	04/08/2023	Quyết định về việc phê duyệt mua sắm thiết bị: Máy đùn cao su Ø90mm
26	470/NQ-HĐQT	11/08/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt mua sắm thiết bị Máy ép thủy lực 6 tầng 800 tấn
27	471/NQ-HĐQT	25/08/2023	Nghị quyết Hội đồng quản trị Quý 2/2023
28	472/NQ-HĐQT	11/09/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt mua sắm thiết bị Máy đo chiều dài dây courroie
29	473/QĐ-HĐQT	18/09/2023	Quyết định về việc phê duyệt danh sách rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2032 của Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
30	474/NQ-HĐQT	28/09/2023	Nghị quyết về việc đồng ý thỏa thuận thôi giao nhiệm vụ Phụ trách kế toán và thỏa thuận chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty CP Cao su Bến Thành



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
31	475/NQ-HĐQT	28/09/2023	Nghị quyết về việc đồng ý thỏa thuận thôi tham gia Ban Kiểm soát, thôi giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát đề xin thỏa thuận chủ trương bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng và chủ trương thực hiện quy trình giới thiệu ứng cử Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Cao su Bến Thành
32	476/NQ-HĐQT	28/09/2023	Nghị quyết về việc đồng ý thỏa thuận chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cao su Bến Thành
33	477/TTr-HĐQT	28/09/2023	Tờ trình về việc thỏa thuận thôi giao nhiệm vụ Phụ trách kế toán và thỏa thuận chủ trương bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty CP Cao su Bến Thành
34	478/TTr-HĐQT	28/09/2023	Tờ trình về việc thỏa thuận thôi tham gia Ban Kiểm soát, thôi giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát đề xin thỏa thuận chủ trương bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng và chủ trương giới thiệu ứng cử Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Cao su Bến Thành
35	479/TTr-HĐQT	28/09/2023	Tờ trình về việc thỏa thuận chủ trương bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cao su Bến Thành
36	480/NQ-HĐQT	13/10/2023	Nghị quyết về việc xếp loại chất lượng đối với Người quản lý Công ty CP Cao su Bến Thành năm 2022
37	481/HĐQT	13/10/2023	Báo cáo về việc xếp loại chất lượng đối với Người quản lý Công ty CP Cao su Bến Thành năm 2022
38	482/HĐQT	13/10/2023	Báo cáo về việc xếp loại chất lượng đối với Người đại diện vốn Tập đoàn tại Công ty CP Cao su Bến Thành năm 2022
39	483/TTr-HĐQT	24/10/2023	Tờ trình danh sách Người có nghĩa vụ kê khai tài sản năm 2023 Công ty CP Cao su Bến Thành
40	484/QĐ-HĐQT	10/11/2023	Quyết định về việc thôi tham gia HĐQT tại Công ty CP Chi sợi Cao su V.R.G SADO
41	485/NQ-HĐQT	21/11/2023	Nghị quyết Hội đồng quản trị Quý 3/2023
42	486/TTr-HĐQT	08/12/2023	Tờ trình về việc thỏa thuận kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản, trả nợ vay dài hạn năm 2024 của Công ty CP Cao su Bến Thành
43	487/NQ-HĐQT	12/12/2023	Nghị quyết về việc ban hành Quy chế Quản lý tài chính Công ty CP Cao su Bến Thành
44	488/NQ-HĐQT	12/12/2023	Nghị quyết về việc ban hành Quy chế Quản lý nợ Công ty CP Cao su Bến Thành



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
45	489/NQ-HĐQT	20/12/2023	Nghị quyết về việc chấp thuận chủ trương ký kết các Hợp đồng giao dịch giữa Công ty CP Cao su Bến Thành với “Người có liên quan” trong năm 2023
46	490/NQ-HĐQT	25/12/2023	Nghị quyết về việc chấp thuận chủ trương ký kết các Hợp đồng giao dịch giữa Công ty CP Cao su Bến Thành với “Người có liên quan” năm 2024
47	491/TTr-HĐQT	29/12/2023	Tờ trình về Chiến lược phát triển giai đoạn 2023-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 tại Công ty CP Cao su Bến Thành

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên HĐQT độc lập các phiên họp của Hội đồng quản trị, tại các cuộc họp Thành viên HĐQT độc lập đã đưa ra những ý kiến đóng góp quan trọng vào chiến lược phát triển, và hoạt động của công ty cũng như chủ động trao đổi về các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, các định hướng phát triển trong từng lĩnh vực hoạt động và đưa ra các đề xuất, giải pháp phù hợp, đóng góp ý kiến nâng cao năng lực quản trị của Công ty.

Kết quả đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT trong năm 2023:

Công tác giám sát, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh, kiện toàn bộ máy nhân sự, v.v... của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành hợp lệ và đúng với thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua.

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện nhiệm vụ, vai trò của mình trên tinh thần trách nhiệm cao vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

Các thành viên trong Ban lãnh đạo thường xuyên tham gia các chương trình về Quản trị Công ty nhằm tối ưu hóa khả năng hoạt động và đóng góp tích cực vào quá trình hoạt động của Công ty. Ý thức được vai trò quyết định của đội ngũ lãnh đạo, công tác đào tạo các chứng chỉ, chương trình về quản trị luôn được Công ty chú trọng.





BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Dương Hoài Trinh	Trưởng BKS	CN: 990 ĐD: 0	CN: 0,008 ĐD: 0
2	Bà Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên BKS	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0 ĐD: 0
3	Ông Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên BKS	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0 ĐD: 0



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

Trong năm 2023, BKS đã chủ động tăng cường công tác kiểm tra và phối hợp chặt chẽ với các bộ phận liên quan trong công việc rà soát, đánh giá quá trình triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế được ban hành. BKS đã triển khai thực hiện các công việc sau:

- BKS tiến hành triển khai và thực hiện nghiêm túc việc giám sát, kiểm tra việc tuân thủ điều lệ của Công ty, việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT;
- Kiểm soát giám sát theo kế hoạch đã đề ra, giám sát việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính của Công ty, phản ánh những kết quả đã đạt được cũng như những nội dung cần lưu ý, khắc phục và hoàn thiện trong hoạt động và công tác quản trị của Công ty, các báo cáo của BKS đều được gửi đến HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty;
- Kiểm soát, xem xét nội dung, tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong năm 2023;
- Xem xét, thẩm định tính đầy đủ trung thực, hợp pháp, căn trọng của báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính quý, 6 tháng, 1 năm.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT,
BAN TGD VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

BKS luôn được HĐQT, BTGD tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Cụ thể, BKS được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban hàng tháng của BTGD và các bộ phận liên quan, đã tham gia ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động sản xuất, hoạt động tài chính, chính sách bán hàng và thu hồi công nợ... phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ của Công ty, các quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của Công ty.

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Dương Hoài Trinh	Trưởng BKS	4/4	100%	
2	Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên BKS	4/4	100%	
3	Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên BKS	4/4	100%	

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Ban kiểm soát đã tổ chức 04 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	Nội dung	Ngày họp	Nội dung chi tiết	Kết quả
1	Cuộc họp 1	07/02/2023 Tham dự họp: 100%	<ul style="list-style-type: none">Kiểm soát tình hình hoạt động Quý 4/2022 và cả năm 2022.Bàn bạc các nội dung cần thiết đưa vào báo cáo BKS năm 2022 để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;Xây dựng kế hoạch và phương hướng hoạt động của BKS trong năm 2023.	Các thành viên đã nhất trí 100%: <ul style="list-style-type: none">Biên bản làm việc và báo cáo trình HĐQT.Thông nhất các nội dung cần thiết đưa vào Báo cáo năm 2022 của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên 2023, phương hướng hoạt động của BKS năm 2023.
2	Cuộc họp 2	25/04/2023 Tham dự họp: 100%	<ul style="list-style-type: none">Thẩm định BCTC năm 2022.Rà soát và thống nhất các nội dung trong báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.Kiểm soát tình hình hoạt động Quý 1/2023.	Các thành viên đã nhất trí 100%: <ul style="list-style-type: none">Biên bản làm việc và báo cáo trình HĐQT.Thông nhất Báo cáo năm 2022 của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên 2023, phương hướng hoạt động của BKS năm 2023.Kế hoạch làm việc cụ thể của BKS trong năm 2023.Báo cáo kiểm soát Quý 1/2023 trình HĐQT.
3	Cuộc họp 3	01/08/2023 Tham dự họp: 100%	<ul style="list-style-type: none">Về việc kiểm soát tình hình hoạt động Quý 2/2023 và 6 tháng đầu năm 2023.	<ul style="list-style-type: none">BKS đã làm việc và đã thống nhất 100% kết quả làm việc trong biên bản, trình báo cáo cho HĐQT.Báo cáo tình hình hoạt động 6 tháng năm 2023 cho Tập đoàn CN Cao su Việt Nam.
4	Cuộc họp 4	30/10/2023 Tham dự họp: 100%	<ul style="list-style-type: none">Kiểm soát tình hình thanh toán công nợ, tình hình sản xuất kinh doanh Quý 3/2023 + lũy kế 9 tháng đầu năm 2023.	Sau khi làm việc, các thành viên trong ban đã nhất trí 100% và đã có báo cáo chi tiết cụ thể gửi HĐQT, trong đó nêu sơ bộ kết quả của các nội dung kiểm soát, kiến nghị, các nội dung trong báo cáo.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Dvt: Đồng

STT	Thành viên	Chức vụ	Thù lao và thu nhập	Ghi chú
1	Diệp Xuân Trường	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	
2	Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT	48.000.000	
3	Văn Trọng Long	Thành viên HĐQT	48.000.000	
4	Nguyễn Thanh Phúc	Thành viên HĐQT	48.000.000	
5	Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	708.000.000	
6	Huỳnh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	504.000.000	
7	Dương Hoài Trinh	Trưởng BKS	408.000.000	
8	Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên BKS	30.000.000	
9	Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên BKS	30.000.000	



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có.



GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NẮM
QUYỀN KIỂM SOÁT

Không có.



HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Tên	Mối quan hệ liên quan với công ty	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Cổ đông chiến lược	177 Hai Bà Trưng, P.Võ Thị Sáu, Q.3, TPHCM	Năm 2023	489/NQ-HĐQT ngày 20/12/2023	Mua cao su giá trị 23.130.225.300 đồng
Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên	Cổ đông nhà nước	604 Võ Văn Kiệt, P.Cầu Kho, Q.1, TPHCM	Năm 2023	489/NQ-HĐQT ngày 20/12/2023	Bán băng tải 26.394.467.130 đồng



ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành luôn chú trọng xây dựng hệ thống quản trị công ty hiệu quả, theo các thông lệ quản trị tốt nhất và tiếp cận các chuẩn mực quốc tế. Hệ thống quản trị công ty hiệu quả là nền tảng vững chắc giúp Công ty tăng trưởng bền vững, giảm thiểu rủi ro, nâng cao năng lực cạnh tranh và danh tiếng, gia tăng khả năng tiếp cận thị trường vốn, tối đa hóa lợi ích của các bên liên quan.

Giải pháp tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

Quản trị nhân sự:

- Mục tiêu phát triển của Công ty là gia tăng việc áp dụng các ứng dụng công nghệ trong quản lý nhân sự, nhằm tối ưu hóa chất lượng và hiệu suất của công tác quản lý nhân sự.

Quản trị chất lượng sản phẩm:

- Tiếp tục thực hiện công tác duy trì, cải tiến, đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng tại các đơn vị kịp thời và có hiệu quả.
- Thực hiện việc cập nhật, sửa đổi, bổ sung hoặc loại bỏ, thay thế các nội dung trong Hệ thống quản lý chất lượng của các đơn vị sản xuất để đáp ứng các tiêu chuẩn hiện hành.

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá các thay đổi của quy phạm pháp luật để đảm bảo hoạt động quản trị Công ty tuân thủ tuyệt đối, đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023

| 84 |



Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4103006483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 04 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ tám theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301150295 ngày 08 tháng 09 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Diệp Xuân Trường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên
Ông Văn Trọng Long	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Phúc	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Dương Hoài Trinh	Trưởng ban
Bà Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên
Ông Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Nguyễn Trần Nghiêm Vũ
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành được lập ngày 21 tháng 02 năm 2024, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2023-002-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2024

Đào Trung Thành
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4700-2024-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		197.175.028.420	208.382.745.606
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	25.757.327.962	22.806.794.785
111	1. Tiền		25.305.581.012	14.744.993.365
112	2. Các khoản tương đương tiền		451.746.950	8.061.801.420
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	7.788.000	1.643.864.054
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		7.788.000	1.643.864.054
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		92.928.030.734	95.205.760.876
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	93.206.568.555	94.634.973.332
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	3.048.207.415	3.151.380.042
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	494.410.720	548.922.140
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.821.155.956)	(3.129.514.638)
140	IV. Hàng tồn kho	09	77.948.217.214	86.773.317.699
141	1. Hàng tồn kho		77.948.217.214	86.773.317.699
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		533.664.510	1.953.008.192
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	69.064.294	28.634.622
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		464.600.216	1.924.373.570
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		93.434.531.107	100.848.458.933
220	I. Tài sản cố định		64.855.828.758	72.977.824.591
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	64.855.828.758	72.977.824.591
222	- Nguyên giá		262.158.711.437	256.586.613.937
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(197.302.882.679)	(183.608.789.346)
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	04	273.070.000	-
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.000.000.000	6.000.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		273.070.000	-
260	III. Tài sản dài hạn khác		28.305.632.349	27.870.634.342
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	28.305.632.349	27.870.634.342
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		290.609.559.527	309.231.204.539

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		80.799.953.036	98.933.269.429
310	I. Nợ ngắn hạn		80.799.953.036	98.933.269.429
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	27.531.797.788	24.650.309.815
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	1.826.045.936	844.910.614
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.223.852.329	981.832.179
314	4. Phải trả người lao động		3.225.517.774	6.493.765.225
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	374.493.878	485.188.211
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.415.431.217	1.698.502.890
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	40.094.652.518	57.507.048.287
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		5.108.161.596	6.271.712.208
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		209.809.606.491	210.297.935.110
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	209.809.606.491	210.297.935.110
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		123.749.970.000	123.749.970.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		123.749.970.000	123.749.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		26.340.019.200	26.340.019.200
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		40.276.012.238	40.276.012.238
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.443.605.053	19.931.933.672
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		23.518.034	1.310.569.093
421b	LNST chưa phân phối năm nay		19.420.087.019	18.621.364.579
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		290.609.559.527	309.231.204.539



Huỳnh Ngọc Sơn
Người lập

Huỳnh Ngọc Sơn
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Nghiêm Vũ
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	332.278.418.317	338.061.551.874
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	35.214.885	3.660.000
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		332.243.203.432	338.057.891.874
11	4. Giá vốn hàng bán	22	260.259.532.802	262.907.525.326
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		71.983.670.630	75.150.366.548
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	2.155.034.632	1.983.786.364
22	7. Chi phí tài chính	24	3.558.137.601	3.739.621.225
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.957.602.903	2.177.241.895
25	8. Chi phí bán hàng	25	34.872.268.125	39.160.596.214
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	11.307.060.248	10.444.441.423
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.401.239.288	23.789.494.050
31	11. Thu nhập khác	27	117.315.084	111.895.492
32	12. Chi phí khác	28	330.107.219	402.646.129
40	13. Lợi nhuận khác		(212.792.135)	(290.750.637)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.188.447.153	23.498.743.413
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	4.768.360.134	4.877.378.834
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		19.420.087.019	18.621.364.579
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1.569	1.505



Huỳnh Ngọc Sơn
Người lập

Huỳnh Ngọc Sơn
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Nghiêm Vũ
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		24.188.447.153	23.498.743.413
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.603.547.005	15.897.727.935
03	- Các khoản dự phòng		691.641.318	(450.828.441)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(281.549.585)	138.552.248
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(137.555.756)	(309.649.692)
06	- Chi phí lãi vay		2.957.602.903	2.177.241.895
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		42.022.133.038	40.951.787.358
09	- Giảm các khoản phải thu		3.228.328.590	4.888.641.878
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		8.825.100.485	(7.307.634.309)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		419.350.862	(9.416.098.944)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.384.881.351)	227.263.369
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.037.193.357)	(2.109.615.872)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.457.688.484)	(5.118.360.545)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.603.220.000)	(5.395.340.384)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		40.011.929.783	16.720.642.551
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.572.097.500)	(6.673.165.064)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	70.277.778
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.363.006.054	3.585.420.696
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		192.773.176	230.370.725
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.016.318.270)	(2.787.095.865)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		94.717.640.436	119.509.134.417
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(112.130.036.205)	(107.940.704.165)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(15.677.791.350)	(17.152.014.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(33.090.187.119)	(5.583.584.148)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.905.424.394	8.349.962.538
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		22.806.794.785	14.667.929.036
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		45.108.783	(211.096.789)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	25.757.327.962	22.806.794.785


Huỳnh Ngọc Sơn
Người lập


Huỳnh Ngọc Sơn
Kế toán trưởng




Nguyễn Trần Nghiêm Vũ
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4103006483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 04 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ tám theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301150295 ngày 08 tháng 09 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 123.749.970.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 123.749.970.000 VND; tương đương 12.374.997 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 205 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 225 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất băng tải cao su, dây courroie.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ cao su: băng tải, dây courroie, dây truyền, vỏ ruột xe đạp - xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật;
- Mua bán sản phẩm cao su: băng tải, dây courroie, dây truyền, vỏ ruột xe đạp - xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản phẩm cao su

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 40	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12	năm
- Phương tiện vận tải	10 - 20	năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 08	năm

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 03 năm.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là: Chiết khấu thương mại.

Khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Chi phí thuế TNDN hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.
- Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành
Trong cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	27.577.840	25.255.295
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.278.003.172	14.719.738.070
Các khoản tương đương tiền (*)	451.746.950	8.061.801.420
	25.757.327.962	22.806.794.785

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 451.746.950 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Phòng giao dịch Phố Quang với lãi suất 3,3%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	7.788.000	-	1.643.864.054	-
Đầu tư dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	273.070.000	-	-	-
	280.858.000	-	1.643.864.054	-

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn với kỳ hạn 18 tháng với giá trị 7.788.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Phòng giao dịch Phố Quang với lãi suất 6,35%/năm.

(**) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn dài hạn với kỳ hạn 18 tháng với giá trị 273.070.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Phòng giao dịch Phố Quang với lãi suất 5,15%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Chi sợi Cao su V.R.G SaDo	6.000.000.000	(6.000.000.000)	6.000.000.000	(6.000.000.000)
	6.000.000.000	(6.000.000.000)	6.000.000.000	(6.000.000.000)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Chi sợi Cao su V.R.G SaDo	Đồng Nai	1,88%	1,88%	Sản xuất chỉ sợi cao su

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	7.509.292.496	-	3.206.321.088	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	7.497.192.496	-	2.930.321.088	-
Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang	12.100.000	-	276.000.000	-
Bên khác	85.697.276.059	(3.821.155.956)	91.428.652.244	(3.129.514.638)
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	8.676.853.140	(484.255.392)	4.640.120.240	-
Aoigomu Kougyou Co., Ltd	6.997.878.181	-	10.793.950.729	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Sài Gòn - IDC	3.948.840.390	(1.268.868.395)	15.798.426.590	-
Các đối tượng khác	66.073.704.348	(2.068.032.169)	60.196.154.685	(3.129.514.638)
	93.206.568.555	(3.821.155.956)	94.634.973.332	(3.129.514.638)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Qingdao Xiangjie Rubber Machinery Co., Ltd	822.581.200	-	736.761.480	-
Suzhou Shanghan Textile Co., Ltd	383.182.785	-	254.683.127	-
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại - Xây dựng Kim Loan	326.095.000	-	-	-
Jining Long Steel Wire Rope Co., Ltd	-	-	1.183.618.035	-
Trả trước cho người bán khác	1.516.348.430	-	976.317.400	-
	3.048.207.415	-	3.151.380.042	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi	1.110.720	-	56.328.140	-
Tạm ứng	490.300.000	-	290.658.000	-
Ký cược, ký quỹ	3.000.000	-	201.936.000	-
	494.410.720	-	548.922.140	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
VSRP Viaus	-	-	2.098.120.863	624.480.274
Superior Rubber and Plast				
Công ty Cổ phần Thép Pomina	1.803.820.000	901.910.000	2.024.880.000	1.417.416.000
Công ty CP Đầu tư phát triển Công nghiệp Sài Gòn IDC	3.495.463.590	2.226.595.195	-	-
Công ty CP Cơ Khí Uông Bí	1.827.056.100	1.278.939.270	-	-
Các đối tượng khác	3.233.490.438	2.131.229.707	1.363.082.113	314.672.064
	10.359.830.128	6.538.674.172	5.486.082.976	2.356.568.338

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	2.279.377.286	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	41.430.960.595	-	47.651.994.810	-
Công cụ, dụng cụ	450.687.547	-	585.723.259	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.508.689.132	-	4.295.009.783	-
Thành phẩm	22.475.533.403	-	19.567.163.051	-
Hàng hoá	1.113.023.375	-	864.561.881	-
Hàng gửi đi bán	6.689.945.876	-	13.808.864.915	-
	77.948.217.214	-	86.773.317.699	-

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	37.854.436.217	202.952.197.808	15.503.670.847	276.309.065	256.586.613.937
- Mua trong năm	-	1.429.360.000	-	72.624.500	1.501.984.500
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	4.070.113.000	-	-	4.070.113.000
Số dư cuối năm	37.854.436.217	208.451.670.808	15.503.670.847	348.933.565	262.158.711.437
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	22.157.321.037	151.010.613.865	10.199.350.941	241.503.503	183.608.789.346
- Khấu hao trong năm	1.628.996.592	11.014.321.526	1.028.671.139	22.104.076	13.694.093.333
Số dư cuối năm	23.786.317.629	162.024.935.391	11.228.022.080	263.607.579	197.302.882.679
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	15.697.115.180	51.941.583.943	5.304.319.906	34.805.562	72.977.824.591
Tại ngày cuối năm	14.068.118.588	46.426.735.417	4.275.648.767	85.325.986	64.855.828.758
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 24.014.106.163 VND.					
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 88.312.697.497 VND.					

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	24.676.294	28.634.622
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	44.388.000	-
	69.064.294	28.634.622
b) Dài hạn		
Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tây Bắc Cù Chi (*)	22.736.341.806	23.645.795.478
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.674.415.886	787.701.679
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.894.874.657	3.437.137.185
	28.305.632.349	27.870.634.342

(*) Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Cù Chi, xã Trung Lập, huyện Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng từ năm 2019 đến năm 2048 với diện tích khu đất thuê là 18.185,8 m2. Công ty đã trả toàn bộ tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê với tổng số tiền là 27.018.352.845 VND.

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Hóa chất Kiểu Thoại	9.789.992.500	9.789.992.500	5.559.310.000	5.559.310.000
Taizhou Huangyan Donghai Chemical Co., Ltd	1.360.003.150	1.360.003.150	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Đỉnh Nguyễn	1.332.290.700	1.332.290.700	-	-
Công ty TNHH Thương mại Bảo Tượng	1.106.820.000	1.106.820.000	3.161.520.000	3.161.520.000
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại TTH	751.295.448	751.295.448	2.517.493.075	2.517.493.075
Các đối tượng khác	13.191.395.990	13.191.395.990	13.411.986.740	13.411.986.740
	27.531.797.788	27.531.797.788	24.650.309.815	24.650.309.815

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Jiangxi Rasson Billiard Manufacturing Co., Ltd	806.425.875	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Thọ Tiến Minh	400.000.000	-
Truckpro Inc	364.157.441	-
Công ty TNHH Vật tư thiết bị Nam Long	33.621.480	287.572.874
AFM Industries.	-	318.310.740
AFM International Inc.	-	174.573.000
Các đối tượng khác	221.841.140	64.454.000
	1.826.045.936	844.910.614

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	4.576.944.233	4.576.944.233	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	438.996.106	438.996.106	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	894.101.751	4.768.360.134	4.457.688.484	1.204.773.401
Thuế Thu nhập cá nhân	87.730.428	1.094.832.279	1.163.483.779	19.078.928
Thuế Nhà đất, tiền thuê đất	-	482.119.680	482.119.680	-
Các loại thuế khác	-	53.946.306	53.946.306	-
	981.832.179	11.415.198.738	11.173.178.588	1.223.852.329

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	126.933.412	206.523.866
Chi phí phải trả khác	247.560.466	278.664.345
	374.493.878	485.188.211

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	79.952.902	82.483.451
Bảo hiểm xã hội	339.753.167	388.458.014
Bảo hiểm y tế	59.956.441	62.087.360
Bảo hiểm thất nghiệp	26.647.307	27.485.065
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	904.003.900	1.113.049.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.117.500	24.940.000
	1.415.431.217	1.698.502.890

17 . VAY NGÂN HẠN

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn (*)	57.507.048.287	57.507.048.287	94.717.640.436	112.130.036.205	40.094.652.518	40.094.652.518
	57.507.048.287	57.507.048.287	94.717.640.436	112.130.036.205	40.094.652.518	40.094.652.518

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn:

- (*) Hợp đồng tín dụng số 01/2023/62647/HĐTD ngày 17/07/2023 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: Tối đa 70.000.000.000 VND và ngoại tệ quy đổi trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, mở L/C tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/62647 ngày 07/07/2022 sang;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
 - Thời hạn cấp hạn mức: Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 15/07/2024;
 - Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 40.094.652.518 VND;
 - Các hình thức đảm bảo tiền vay: Thẻ chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm là Máy móc thiết bị theo Danh mục tài sản thế chấp đi kèm Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2012/HĐTC-62647 ngày 21/06/2012 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/HĐTC-62647 ngày 30/09/2017.

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	123.749.970.000	26.340.019.200	35.936.575.435	25.517.203.543	211.543.768.178	
Lãi trong năm trước	-	-	-	18.621.364.579	18.621.364.579	
Chi trả cổ tức (12% vốn điều lệ)	-	-	-	(14.849.996.400)	(14.849.996.400)	
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	4.339.436.803	(4.339.436.803)	-	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.904.201.247)	(4.904.201.247)	
Trích Quỹ khen thưởng HĐQT, BĐH	-	-	-	(113.000.000)	(113.000.000)	
Số dư cuối năm trước	123.749.970.000	26.340.019.200	40.276.012.238	19.931.933.672	210.297.935.110	
Số dư đầu năm nay	123.749.970.000	26.340.019.200	40.276.012.238	19.931.933.672	210.297.935.110	
Lãi trong năm nay	-	-	-	19.420.087.019	19.420.087.019	
Chi trả cổ tức (12,5% vốn điều lệ) (*)	-	-	-	(15.468.746.250)	(15.468.746.250)	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(4.439.669.388)	(4.439.669.388)	
Số dư cuối năm nay	123.749.970.000	26.340.019.200	40.276.012.238	19.443.605.053	209.809.606.491	

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 18/05/2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận để lại của các năm trước		1.310.569.093
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2022		18.621.364.579
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00	19.931.933.672
Chi trả cổ tức (12,5% vốn điều lệ)	77,61	15.468.746.250
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22,27	4.439.669.388
Lợi nhuận chưa phân phối	0,12	23.518.034

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	48,85	60.456.580.000	48,85	60.456.580.000
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn	19,86	24.575.780.000	19,86	24.575.780.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	18,67	23.100.000.000	18,67	23.100.000.000
Các cổ đông khác	12,62	15.617.610.000	12,62	15.617.610.000
	100	123.749.970.000	100	123.749.970.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	123.749.970.000	123.749.970.000
- Vốn góp cuối năm	123.749.970.000	123.749.970.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	1.113.049.000	3.415.067.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	15.468.746.250	14.849.996.400
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	15.468.746.250	14.849.996.400
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(15.677.791.350)	(17.152.014.400)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(15.677.791.350)	(17.152.014.400)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	904.003.900	1.113.049.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.374.997	12.374.997
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	12.374.997	12.374.997
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	12.374.997	12.374.997
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	40.276.012.238	40.276.012.238
	40.276.012.238	40.276.012.238

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất sau:

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm văn phòng từ năm 1996 đến năm 2046. Diện tích khu đất thuê là 354 m². Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định của Nhà nước.
- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, xã Trung Lập, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích xây dựng nhà xưởng từ năm 2019 đến năm 2048. Diện tích khu đất thuê là 18.185,8 m² và Công ty đã trả toàn bộ tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
Đồng đô la Mỹ (USD)	641.712,21	326.237,69
Đồng Yên Nhật (JPY)	18.306.137,00	-

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	17.457.670.509	15.495.035.231
Doanh thu bán thành phẩm	314.820.747.808	322.566.516.643
	332.278.418.317	338.061.551.874
	25.703.537.500	20.661.857.000

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	35.214.885	-
Hàng bán bị trả lại	-	3.660.000
	35.214.885	3.660.000

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	15.618.011.566	13.665.319.481
Giá vốn của thành phẩm đã bán	244.641.521.236	249.242.205.845
	260.259.532.802	262.907.525.326
	22.028.786.000	23.862.504.960

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	137.555.756	239.371.914
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.735.929.291	1.744.414.450
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	281.549.585	-
	2.155.034.632	1.983.786.364

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.957.602.903	2.177.241.895
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	600.534.698	1.423.827.082
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	138.552.248
	3.558.137.601	3.739.621.225

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.411.865.618	3.869.853.263
Chi phí nhân công	7.159.849.846	7.014.644.449
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.163.632	62.207.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.948.612.724	27.854.203.762
Chi phí khác bằng tiền	161.115.926	104.205.411
Chi phí bảo hành	139.660.379	255.481.985
	34.872.268.125	39.160.596.214

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	685.237.315	773.004.358
Chi phí nhân công	6.636.476.404	6.545.909.988
Chi phí khấu hao tài sản cố định	288.593.035	276.488.955
Chi phí / (Hoàn nhập) dự phòng	691.641.318	(450.828.441)
Thuế, phí, và lệ phí	89.844.250	90.908.413
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.977.848.611	2.365.208.334
Chi phí khác bằng tiền	937.419.315	843.749.816
	11.307.060.248	10.444.441.423

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	70.277.778
Thu nhập từ bán phế liệu	24.000.000	41.513.173
Thu nhập khác	93.315.084	104.541
	117.315.084	111.895.492

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	188.397.611	275.000.000
Chi phí khác	141.709.608	127.646.129
	330.107.219	402.646.129

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	24.188.447.153	23.498.743.413
Các khoản điều chỉnh tăng	444.713.888	888.150.755
- Chi phí không hợp lệ	240.713.888	320.583.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục nợ phải thu, tiền gửi có gốc ngoại tệ cuối năm	-	312.567.755
- Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	204.000.000	255.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(791.360.370)	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục nợ phải thu, tiền gửi có gốc ngoại tệ cuối năm	(282.792.615)	-
- Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục nợ phải thu, tiền gửi có gốc ngoại tệ cuối năm trước	(312.567.755)	-
- Các khoản khác	(196.000.000)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	23.841.800.671	24.386.894.168
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	4.768.360.134	4.877.378.834
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	894.101.751	1.135.083.462
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(4.457.688.484)	(5.118.360.545)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.204.773.401	894.101.751

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	19.420.087.019	18.621.364.579
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	19.420.087.019	18.621.364.579
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.374.997	12.374.997
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.569	1.505

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	187.883.724.833	204.011.731.004
Chi phí nhân công	41.457.672.836	43.071.536.887
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.694.093.333	14.988.274.263
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.218.346.356	42.688.450.937
Chi phí khác bằng tiền	2.570.142.913	1.325.998.304
	285.823.980.271	306.085.991.395

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.729.750.122	-	-	25.729.750.122
Phải thu khách hàng, phải thu khác	89.879.823.319	-	-	89.879.823.319
Các khoản cho vay	7.788.000	273.070.000	-	280.858.000
	115.617.361.441	273.070.000	-	115.890.431.441

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.781.539.490	-	-	22.781.539.490
Phải thu khách hàng, phải thu khác	92.054.380.834	-	-	92.054.380.834
Các khoản cho vay	1.643.864.054	-	-	1.643.864.054
	116.479.784.378	-	-	116.479.784.378

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	40.094.652.518	-	-	40.094.652.518
Phải trả người bán, phải trả khác	28.947.229.005	-	-	28.947.229.005
Chi phí phải trả	374.493.878	-	-	374.493.878
	69.416.375.401	-	-	69.416.375.401
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	57.507.048.287	-	-	57.507.048.287
Phải trả người bán, phải trả khác	26.348.812.705	-	-	26.348.812.705
Chi phí phải trả	485.188.211	-	-	485.188.211
	84.341.049.203	-	-	84.341.049.203

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	94.717.640.436	119.509.134.417
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	112.130.036.205	107.940.704.165

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

a) Theo lĩnh vực kinh doanh

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh băng tải cao su, dây courroie, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

b) Theo khu vực địa lý

	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	244.054.579.065	88.188.624.367	332.243.203.432
Tài sản bộ phận	272.332.718.286	18.276.841.241	290.609.559.527
Tổng chi phí mua TSCĐ	5.572.097.500	-	5.572.097.500

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Cổ đông lớn
Công ty CP Cao su Bà Rịa	Cùng Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
Công ty CP Cao su Đồng Phú	Cùng Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
Công ty CP Cao su Hòa Bình	Cùng Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
Công ty CP Cao su Phước Hòa	Cùng Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
Công ty CP Cao su Tân Biên	Cùng Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
Công ty CP Cao su Tây Ninh	Cùng Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
Công ty CP Gỗ MDF VRG Dongwha	Cùng Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
Công ty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang	Cùng Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
Công ty CP Gỗ MDF VRG Quảng Trị	Cùng Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh	Cùng Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	Cùng Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
Công ty TNHH MTV Cao su EA HLEO	Cùng Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum	Cùng Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
Công ty TNHH MTV Cao su Mang Yang	Cùng Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	Cùng Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.703.537.500	20.661.857.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	24.161.348.500	18.300.805.000
Công ty CP Cao su Bà Rịa	48.708.000	-
Công ty CP Cao su Đồng Phú	317.592.000	-
Công ty CP Cao su Hòa Bình	-	26.994.000
Công ty CP Cao su Phước Hòa	237.468.000	294.272.000
Công ty CP Cao su Tân Biên	53.988.000	43.230.000
Công ty CP Cao su Tây Ninh	134.970.000	134.970.000
Công ty CP Gỗ MDF VRG Dongwha	-	48.160.000
Công ty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang	198.000.000	131.400.000
Công ty CP Gỗ MDF VRG Quảng Trị	-	77.500.000
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh	-	828.432.000
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	-	64.944.000
Công ty TNHH MTV Cao su EA HLEO	146.124.000	-
Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum	227.304.000	286.770.000
Công ty TNHH MTV Cao su Mang Yang	-	107.580.000
Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	178.035.000	316.800.000
Mua hàng hóa, vật tư	22.028.786.000	23.862.504.960
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	22.028.786.000	23.862.504.960
Chia cổ tức	13.516.545.000	12.975.883.200
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	7.557.072.500	7.254.789.600
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn	3.071.972.500	2.949.093.600
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	2.887.500.000	2.772.000.000

Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt

Chức vụ		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
		1.884.000.000	2.190.000.000
Ông Diệp Xuân Trường	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	54.000.000
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Ông Văn Trọng Long	Thành viên HĐQT	48.000.000	24.000.000
	(Bổ nhiệm ngày 28/06/2022)		
Ông Nguyễn Thanh Phúc	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
	(Bổ nhiệm ngày 07/01/2022)		
Ông Huỳnh Tấn Siêu	Chủ tịch HĐQT	-	30.000.000
	(Miễn nhiệm ngày 28/06/2022)		
Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	708.000.000	708.000.000
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	504.000.000	504.000.000
Bà Lưu Thị Tố Như	Phó Tổng Giám đốc	-	336.000.000
	(Miễn nhiệm ngày 05/08/2022)		
Bà Dương Hoài Trinh	Trưởng ban kiểm soát	408.000.000	363.000.000
Bà Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên BKS	30.000.000	30.000.000
Ông Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên BKS	30.000.000	30.000.000
Bà Phạm Thị Thu Hường	Thành viên BKS	-	15.000.000
	(Miễn nhiệm ngày 28/06/2022)		

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Huỳnh Ngọc Sơn
Người lập



Huỳnh Ngọc Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Trần Nghiêm Vũ
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



NGUYỄN TRẦN NGHIÊM VŨ

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH



Lô B3-1, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi – đường Giáp Hải (D3) – xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi,
TP Hồ Chí Minh.



www.berubco.com.vn



(028) 3790 7619



(028) 3790 7461